

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Huyền Trang

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÙNG AN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Văn Hồng Ngọc

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Huyền Trang

Mã SV: 1213401123

Lớp : QTL603K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần DVTM Hùng An

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An trong năm 2013.

- Số liệu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Văn Hồng Ngọc

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường ĐHDL Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần DVTM Hùng An

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	2
1.1.2.1. Khái niệm doanh thu.	2
1.1.2.2. Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp.....	2
1.1.2.3. Các loại doanh thu.....	3
1.1.2.4. Xác định kết quả kinh doanh.....	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	5
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quyết định 48.....	6
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	6
1.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán.....	11
1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	14
1.2.4.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	17
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	21
1.2.5.1 Tổ chức kế toán thu nhập khác.	21
1.2.5.2: Tổ chức kế toán chi phí khác	23
1.2.6. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.3. Tổ chức sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.	26

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.	26
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.	27
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	28
1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.	29
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	31
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPDV THƯƠNG MẠI HÙNG AN.....	32
2.1. Khái quát chung về Công Ty CPDV Thương Mại Hùng An.....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công Ty CPDV Thương Mại Hùng An.	32
2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty CPDV Thương Mại Hùng An.	33
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công Ty CPDV TM Hùng An.....	35
2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CPDV TM Hùng An.	35
2.1.3.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ , tài khoản kế toán.	37
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPDV Thương Mại Hùng An.	40
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại Công ty CPDV TM Hùng An.	40
2.2.2. Hạch toán giá vốn hàng bán:.....	47
2.2.3 Hạch toán chi phí kinh doanh tại Công Ty CP DV HÙNG AN.	52
2.2.4. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của công ty....	58
2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.	64
CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÙNG AN	76
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DVTM Hùng An.....	76
3.1.1. Đánh giá chung.....	76
3.1.2. Ưu điểm.....	76

3.1.3. Hạn chế.....	78
3.2. Hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.....	79
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.....	79
3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần DV TM Hùng An.	80
3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPDV Hùng An.	93
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay trên thực tiễn kế toán được lý giải và vận dụng để phù hợp chuyên ngành trong tất cả mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kế toán như là một công cụ kiểm tra quản lý mục tiêu đưa đất nước sang thời kỳ của nền kinh tế thị trường dưới sự quản lý và điều tiết của nhà nước, song cũng từ nền kinh tế vận hành dưới cơ chế thị trường đó, các doanh nghiệp đã phát huy tính năng động trong kinh doanh của mình.

Đối với tất cả các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế nói chung và doanh nghiệp kinh doanh thương mại nói riêng thì vấn đề doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn được đặt ra trước nhất. Bởi vì nó cho ta thấy được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp có tốt không, có đạt được mục tiêu là doanh thu cao, chi phí thấp, lợi nhuận nhiều như doanh nghiệp đó đã đề ra không?.

Từ nhận thức nêu trên và thời gian thực tập tại Công ty cổ phần DVTM Hùng An. Em đã chọn đề tài khóa luận tốt nghiệp là “ **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần DVTM Hùng An**”.

Nội dung của khóa luận được chia thành 3 chương chính như sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP dịch vụ thương mại Hùng An.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Hùng An.

Kính mong các thầy cô giáo giúp đỡ và chỉ bảo thêm để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn. Em cũng xin gửi lời cảm ơn đến các thầy cô khoa kế toán kiểm toán Trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là GV – Th.S Văn Hồng Ngọc đã tận tình hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này. Em xin cảm ơn ban lãnh đạo và cán bộ phòng kế toán Công ty CPDV thương mại Hùng An đã giúp đỡ em trong quá trình thực tập ở công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện
Phạm Huyền Trang

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp .

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng nhu cầu của thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng và đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm các khoản thu từ hoạt động khác mang lại.

Về việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh. Đồng thời doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn về mặt tài chính. Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2. Một số khái niệm liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.2.1. Khái niệm doanh thu.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.2.2. Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang

trải số vốn đã bỏ ra như chi phí về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động; chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp... Đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn đồng thời mở rộng sản xuất, tăng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, liên doanh liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty.

- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức tăng sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp.

- Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tốt góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

Cuối cùng nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trang trải những khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ khó khăn về tài chính, nếu tình trạng này kéo dài doanh nghiệp sẽ không còn đủ sức để tồn tại dẫn đến phá sản doanh nghiệp.

1.1.2.3. Các loại doanh thu.

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

❖ Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

✓ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ phát sinh thêm liên quan đến hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp....

❖ Doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện sau:

-Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

-Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ Doanh thu tài chính được xác định trên cơ sở:

-Tiền lãi được xác định trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

-Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.

-Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

✓ **Thu nhập khác:** Là các khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

1.1.2.4. Xác định kết quả kinh doanh.

* **Kết quả hoạt động kinh doanh:** là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua các chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp(lãi hoặc lỗ) được xác định trên cơ sở tổng hợp tất cả kết quả của mọi hoạt động SXKD trong doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả của hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh, kết quả đó được tính theo công thức sau đây.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí bán - hàng	=	Chi phí quản lý doanh nghiệp
---	---	---	---	--	---	----------------------	---	--------------------------	---	---------------------------------------

Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau:

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các chi phí phát sinh, các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết và đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ cho việc lập báo cáo tài chính.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí

và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho Ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp theo quyết định 48.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

❖ Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01 GTGT-3LL) đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu số 02 GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.
- Hợp đồng kinh tế.
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ thanh toán như: phiếu chi, séc thanh toán, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ,
- Các chứng từ liên quan khác: phiếu xuất nhập kho bán hàng, hóa đơn vận chuyển bán hàng....

❖ Tài khoản sử dụng.

❖ TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.
- Tài khoản 511 có bốn(4) tiểu khoản cấp 2:

TK 5111: doanh thu bán hàng.

TK 5112: doanh thu thành phẩm.

TK 5113: doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK 5118: doanh thu khác.

❖ **Kết cấu tài khoản.**

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

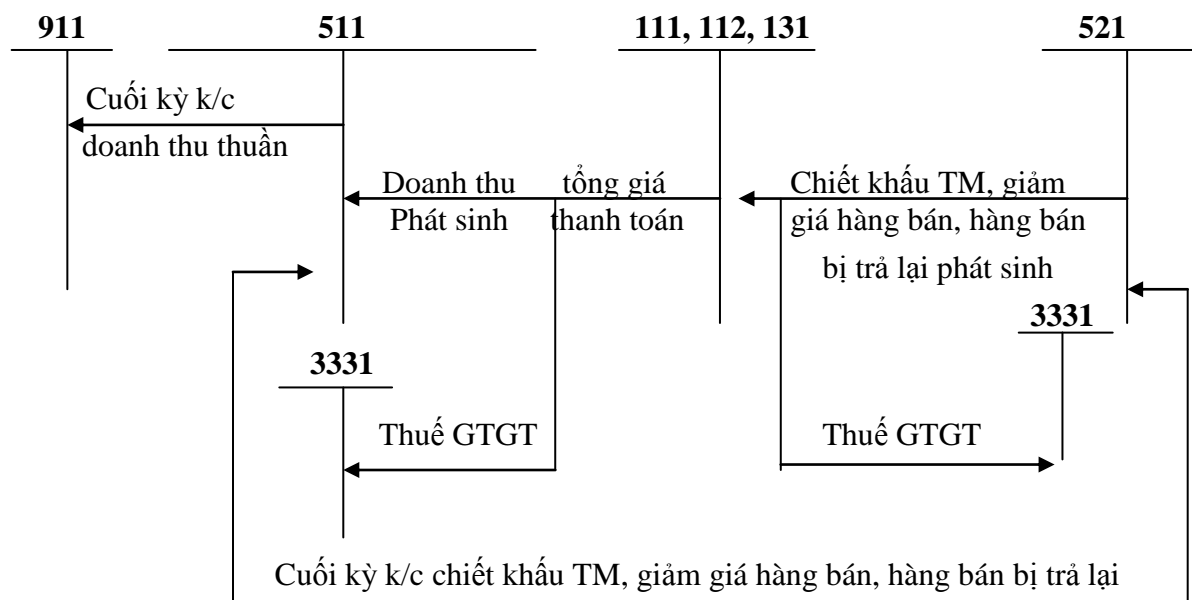
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế TTĐB, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Số giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã được thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

❖ **Phương pháp kế toán.**

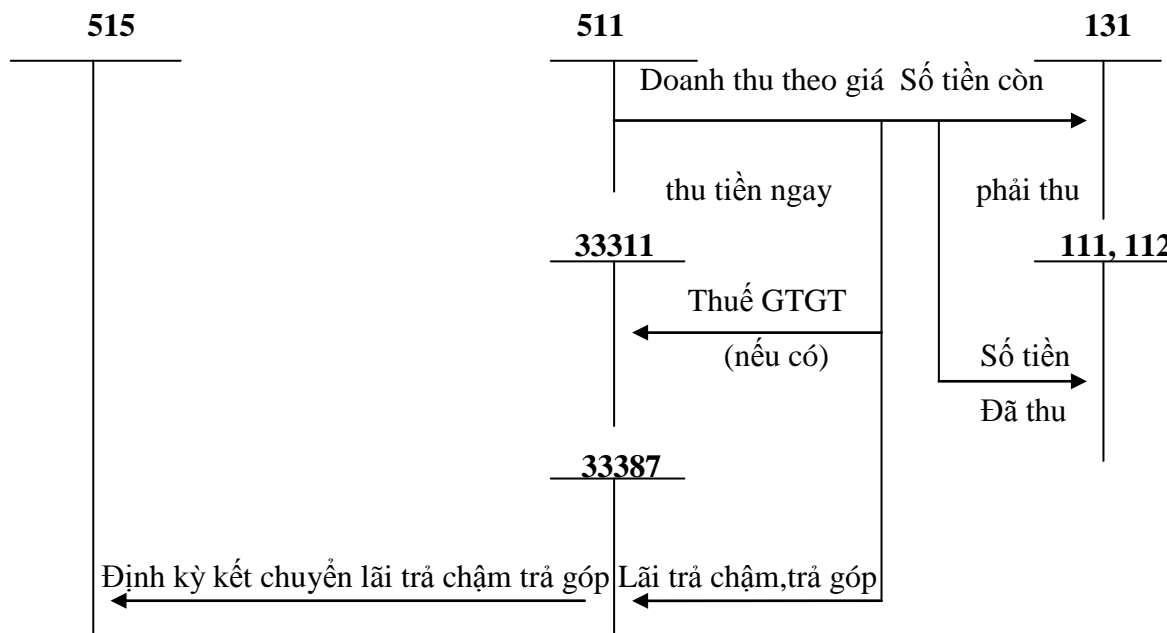
Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát bằng sơ đồ 1.1.

Phương pháp gián tiếp: Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.



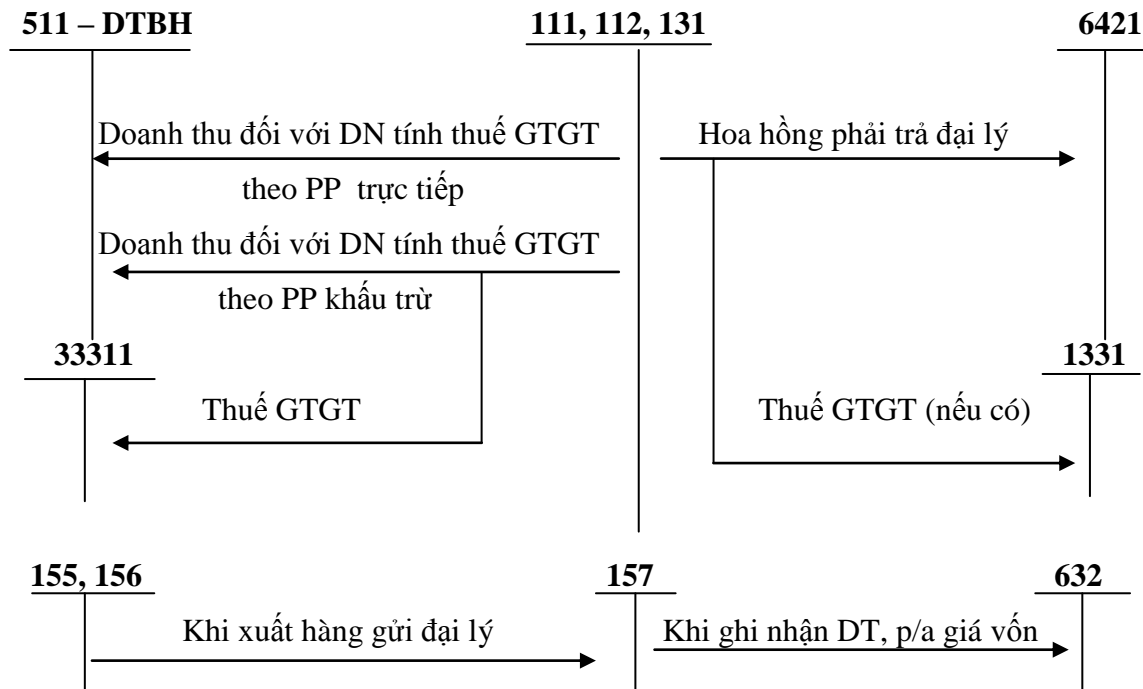
Sơ đồ 1.1 . Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

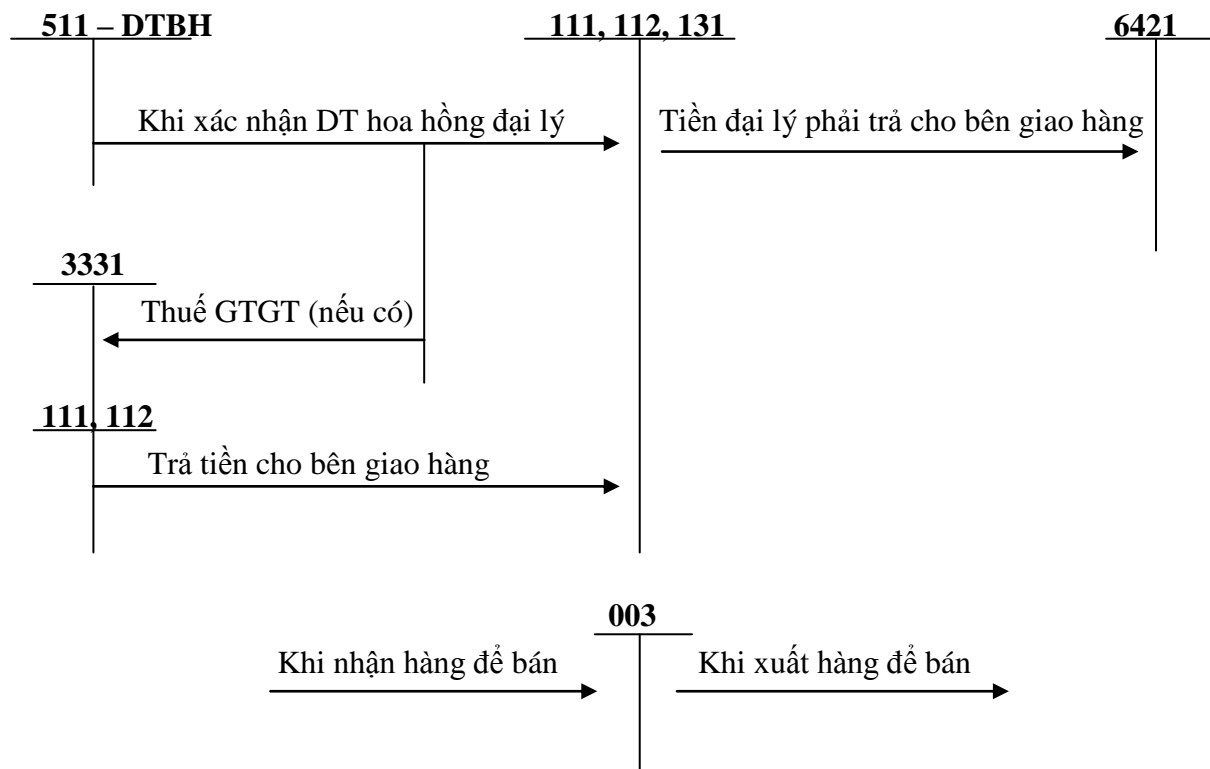


Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng đại lý

(Đối với bên giao đại lý)



**Sơ đồ 1.4: Kế toán doanh thu bán hàng đại lý
(Đối với bên nhận đại lý)**



*** Các khoản giảm trừ doanh thu.**

- Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh.

❖ Chứng từ kế toán.

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Hóa đơn GTGT.
- Chứng từ khác có liên quan...

❖ TK 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”.

- Các TK cấp 2:

TK 5211 – *Chiết khấu thương mại*

TK 5212 – *Hàng bán bị trả lại*

TK 5213 – *Giảm giá hàng bán*

- Chiết khấu thương mại: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người

mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách....

-Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận một cách đặc biệt trên giá đã thỏa thuận trên hóa đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

- Thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp: Thuế GTGT, thuế XK, thuế TTĐB là khoản thuế gián thu tính trên doanh thu bán hàng. Các khoản thuế này tính cho các đối tượng tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ phải chịu, các cơ sở kinh doanh chỉ là đơn vị thu nộp thuế thay cho người tiêu dùng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đó.

❖ **Kết cấu tài khoản**

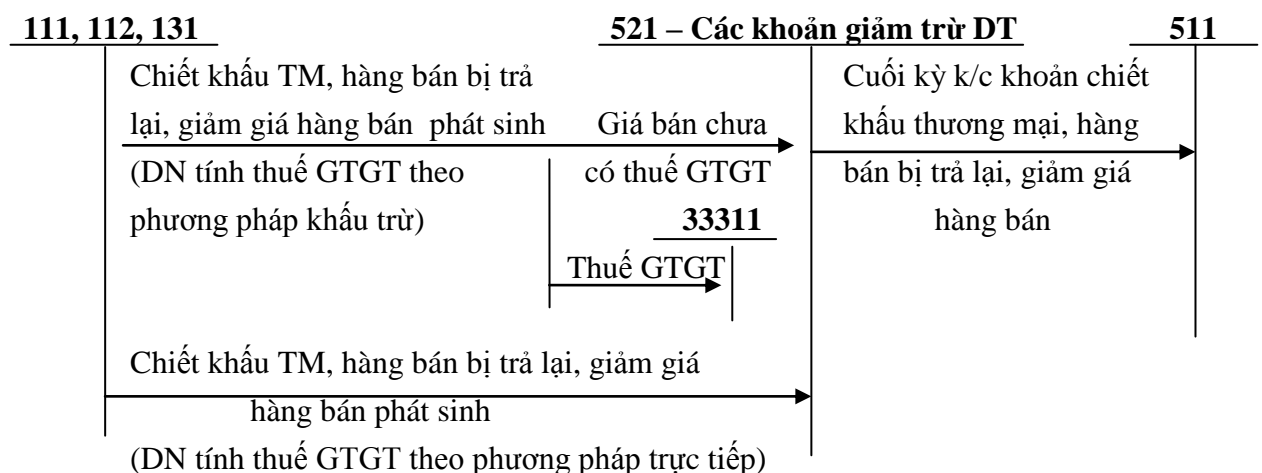
Tài khoản 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra. - Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kì

❖ **Sơ đồ hạch toán**

Sơ đồ 1.5: Kế toán chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.**Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:**

Để tính giá trị hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá trị hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cuối kỳ.
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO).
- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).
- Phương pháp thực tế đích danh.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hóa, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

$$\text{Trị giá vốn của hàng hoá xuất kho} = \text{Số lượng hàng hoá xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Phương pháp bình quân liên hoàn

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn kho sau lần nhập } i}$$

✓ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO).

Phương pháp này lô hàng nhập trước sẽ được xuất trước, hàng tồn kho đầu kỳ giả định là xuất kho trước tiên, số hàng hóa sau đó được xuất kho theo đúng thứ tự như chúng được mua vào nhập kho.

Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp này có ưu điểm là giá vốn hàng tồn kho trên báo cáo kế toán sát với giá thị trường tại thời điểm lập báo cáo. Tuy nhiên, nhược điểm của phương pháp này là đòi hỏi kho bảo quản phải thuận tiện cho việc theo dõi tình hình nhập xuất theo từng lần. Trị giá hàng xuất kho thường bị phản ánh kém chính xác, đặc biệt trong trường hợp có sự biến động tăng lên về giá.

✓ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).**

Phương pháp này những hàng hóa mua vào sau cùng sẽ được xuất đầu tiên, giá hàng hóa xuất kho sẽ tính theo giá của lô hàng nhập sau cùng. Phương pháp này có ưu điểm là trị giá hàng xuất kho được xác định tương đối sát với giá thị trường tại thời gian xuất kho hàng hóa. Nhưng trị giá hàng hóa tồn kho bị xác định kém chính xác, đặc biệt là trong trường hợp có sự biến động về giảm giá.

✓ **Phương pháp thực tế đích danh.**

Theo phương pháp này hàng hóa nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hóa được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh).

Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hóa của mỗi lần nhập. Do đó, những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ xuất nhập hàng hóa không nên áp dụng.

❖ **Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn mua hàng
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 632 “Giá vốn hàng bán”.**

❖ **Kết cấu tài khoản.**

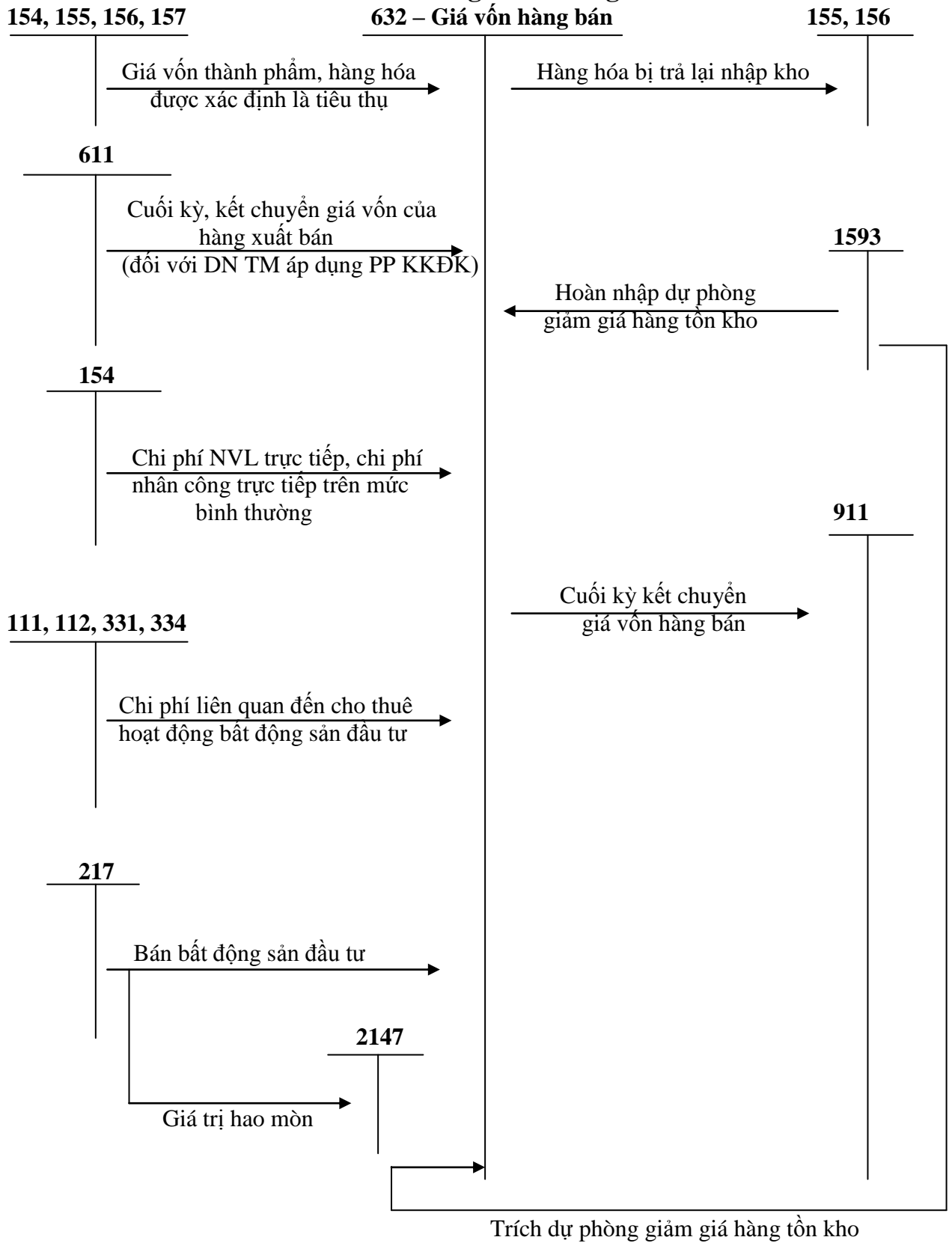
Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.6. Kế toán giá vốn hàng bán



1.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

✓ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ:

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp.

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Thuế phí, lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

❖ Chứng từ sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ NVL – CCDC
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

❖ Tài khoản sử dụng: TK 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”

Các tài khoản cấp 2:

TK 6421 – *Chi phí bán hàng*

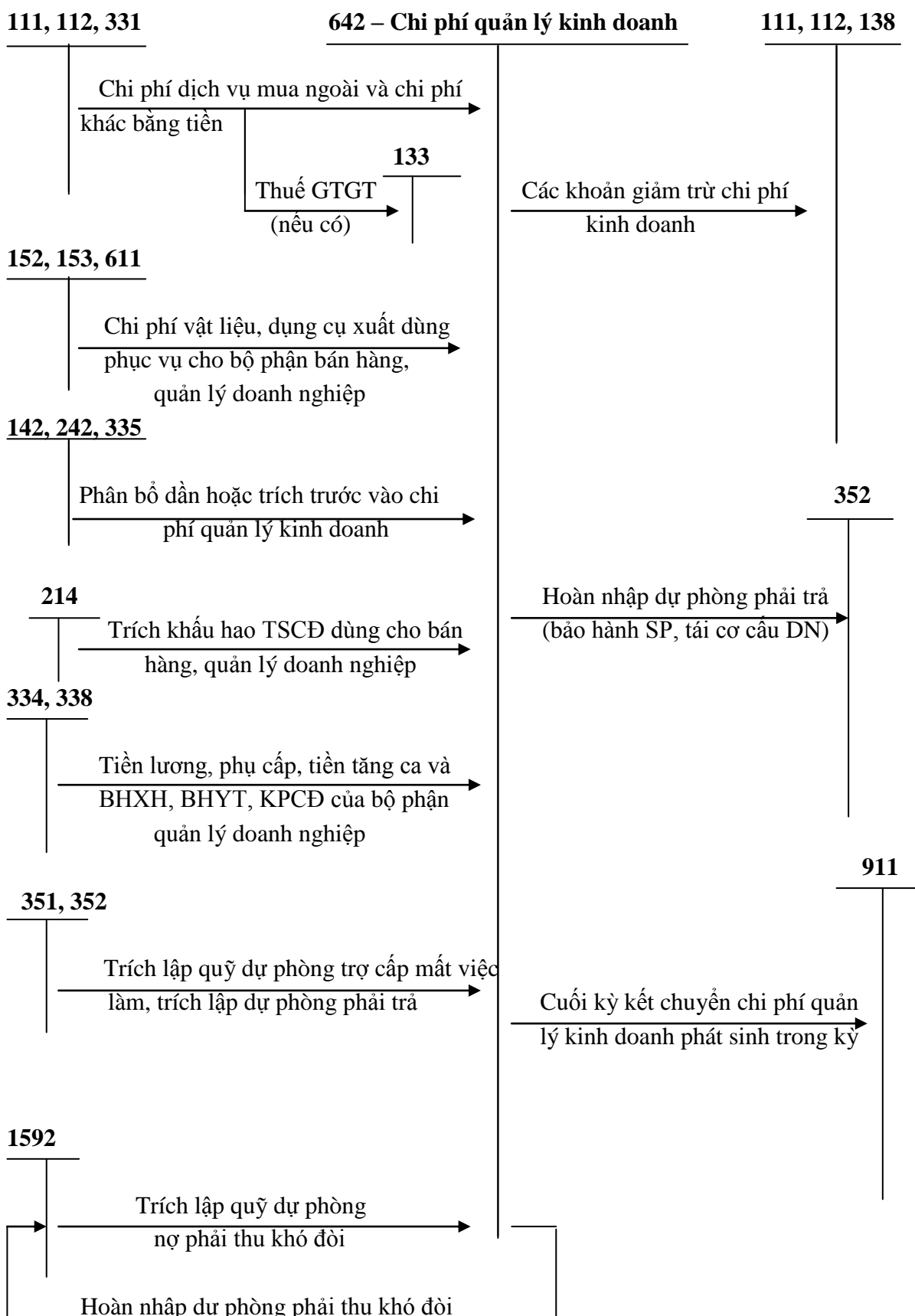
TK 6422 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

❖ **Kết cấu tài khoản.****Tài khoản 642 “Chi phí quản lý kinh doanh”**

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.*** Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.****❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, giấy báo có
- Phiếu kế toán

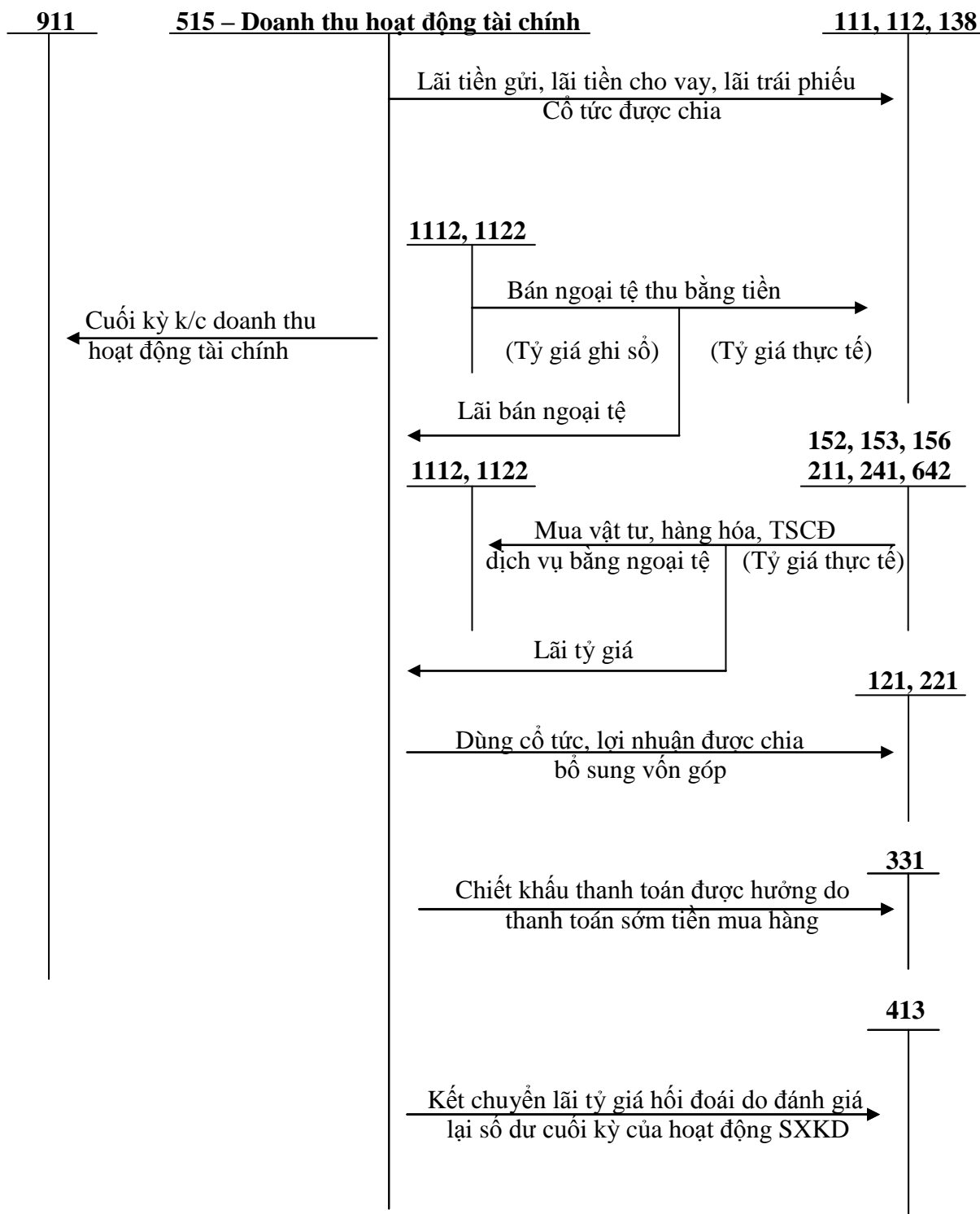
❖ Tài khoản sử dụng: TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**❖ Kết cấu tài khoản:****Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”**

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi - Thu nhập cho thuê tài sản, kinh doanh bất động sản - Chênh lệch do bán ngoại tệ - Thu nhập về hoạt động đầu tư CK - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán.

Sơ đồ 1.8. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



*** Kế toán chi phí tài chính.****❖ Chứng từ sử dụng**

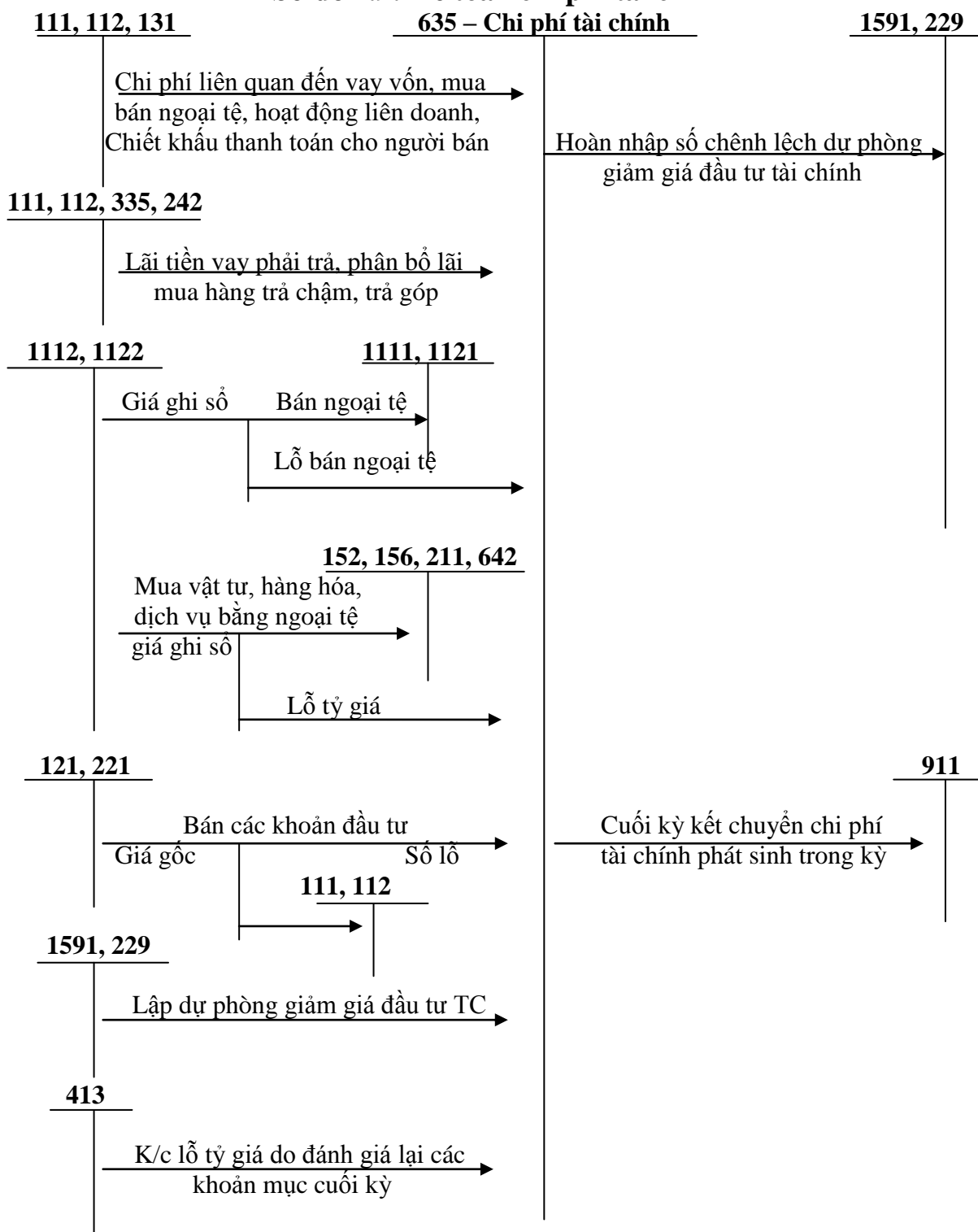
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng: TK 635 “Chi phí tài chính”**❖ Kết cấu tài khoản****Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”**

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có
<i>Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ</i>	

Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính



1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

1.2.5.1 Tổ chức kế toán thu nhập khác.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu thu
- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng: TK 711 “Thu nhập khác”.**

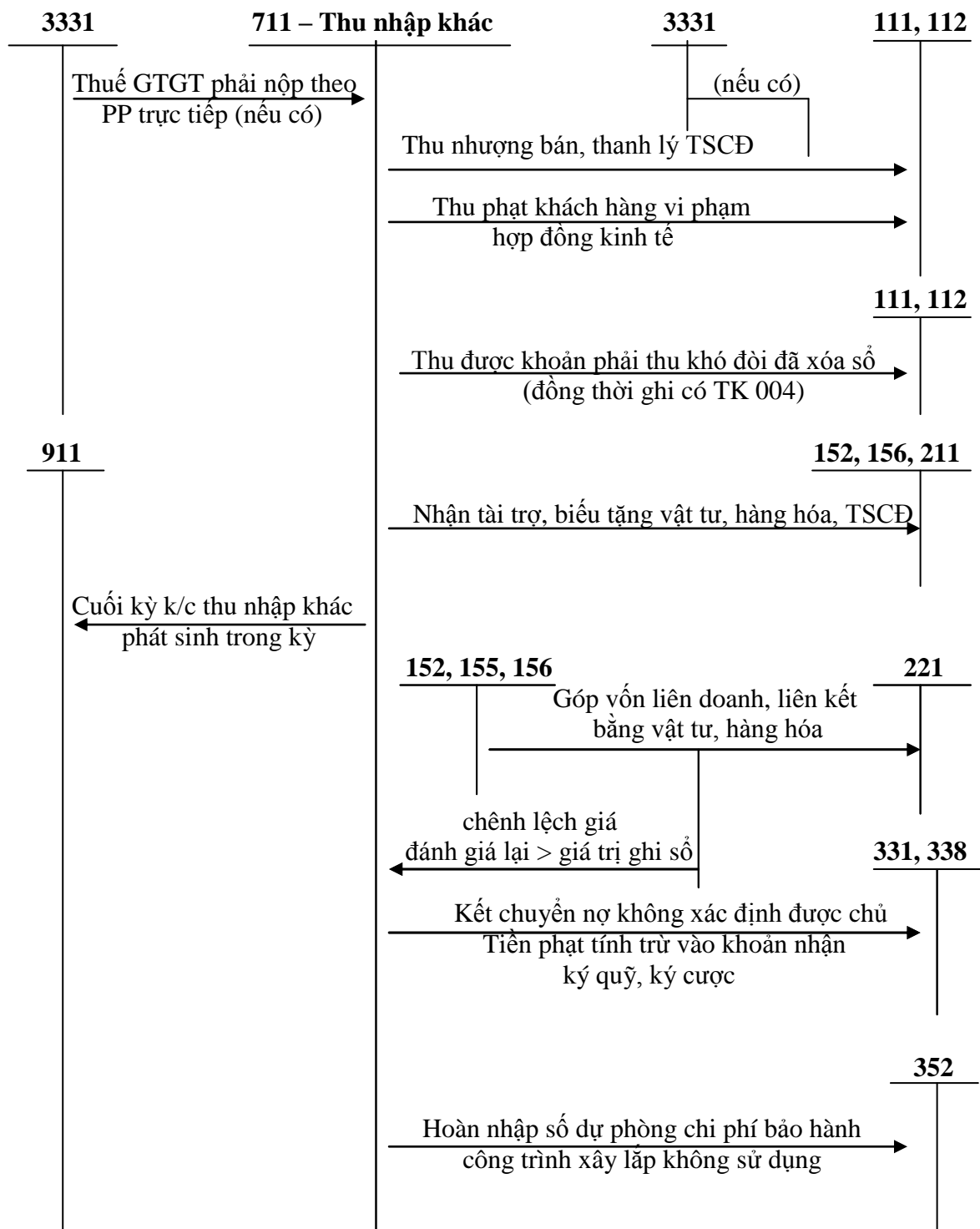
❖ **Kết cấu tài khoản.**

Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” 	<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ - Thu tiền được do khách hàng vi phạm hợp đồng. Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại: Thu nhận quà biếu, quà tặng bằng tiền, bằng hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ 1.10 : kế toán thu nhập khác



1.2.5.2: Tổ chức kế toán chi phí khác .

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác”.

❖ Kết cấu tài khoản:

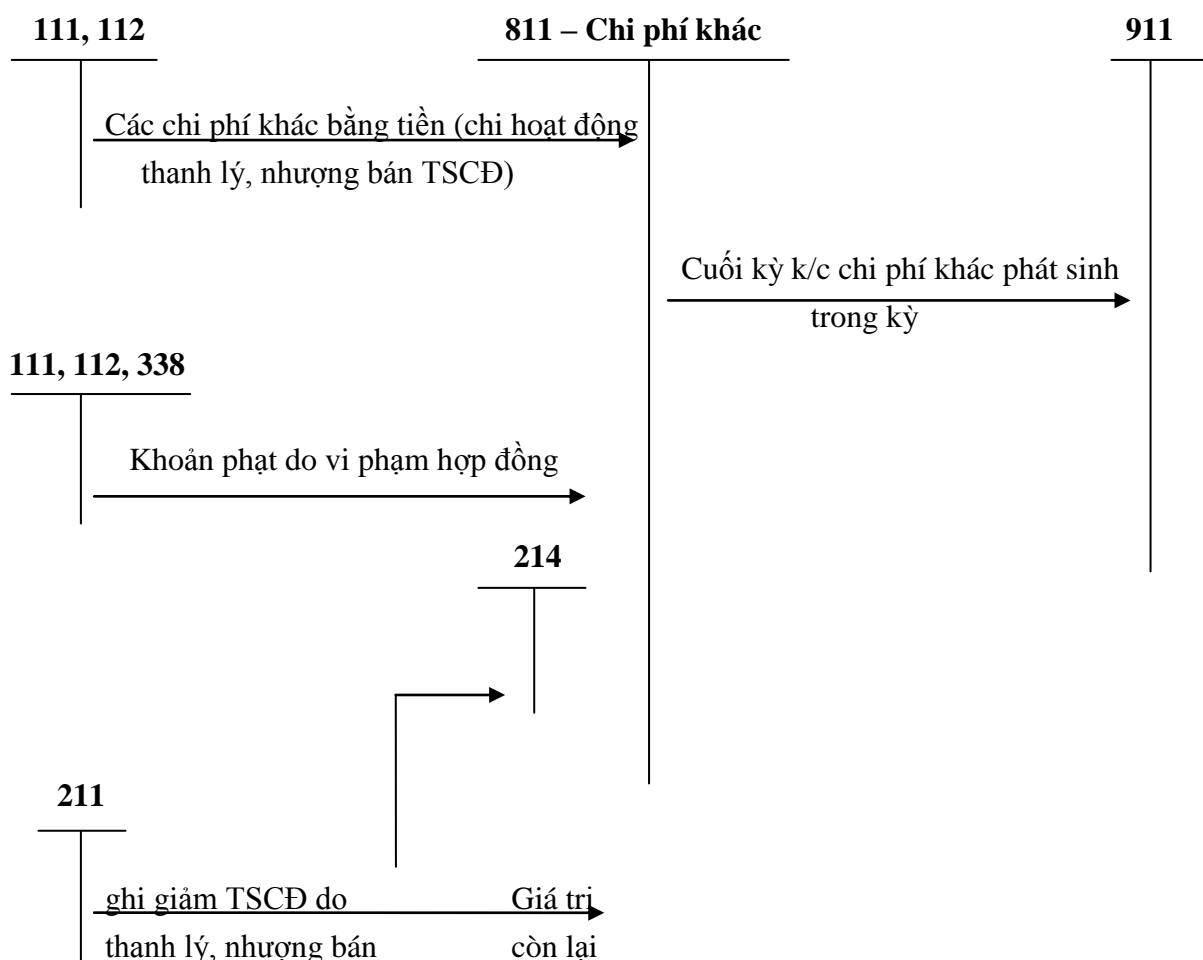
Tài khoản 811 “Chi phí khác”

- Các khoản chi phí khác phát sinh	- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán.

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí khác



1.2.6. Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Chứng từ liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

TK 821 “Chi phí thuế TNDN”

TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

Các tài khoản khác có liên quan

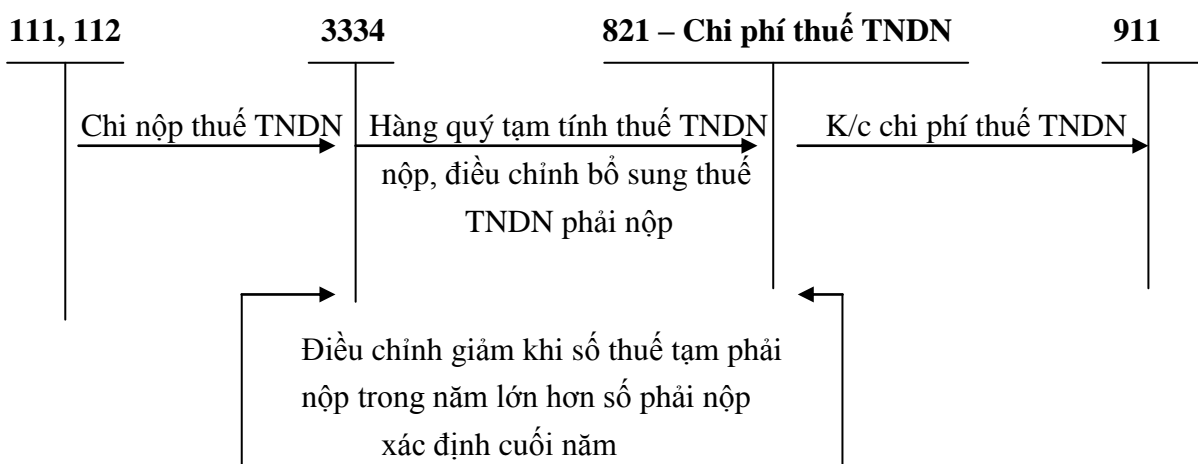
❖ **Kết cấu tài khoản.**

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

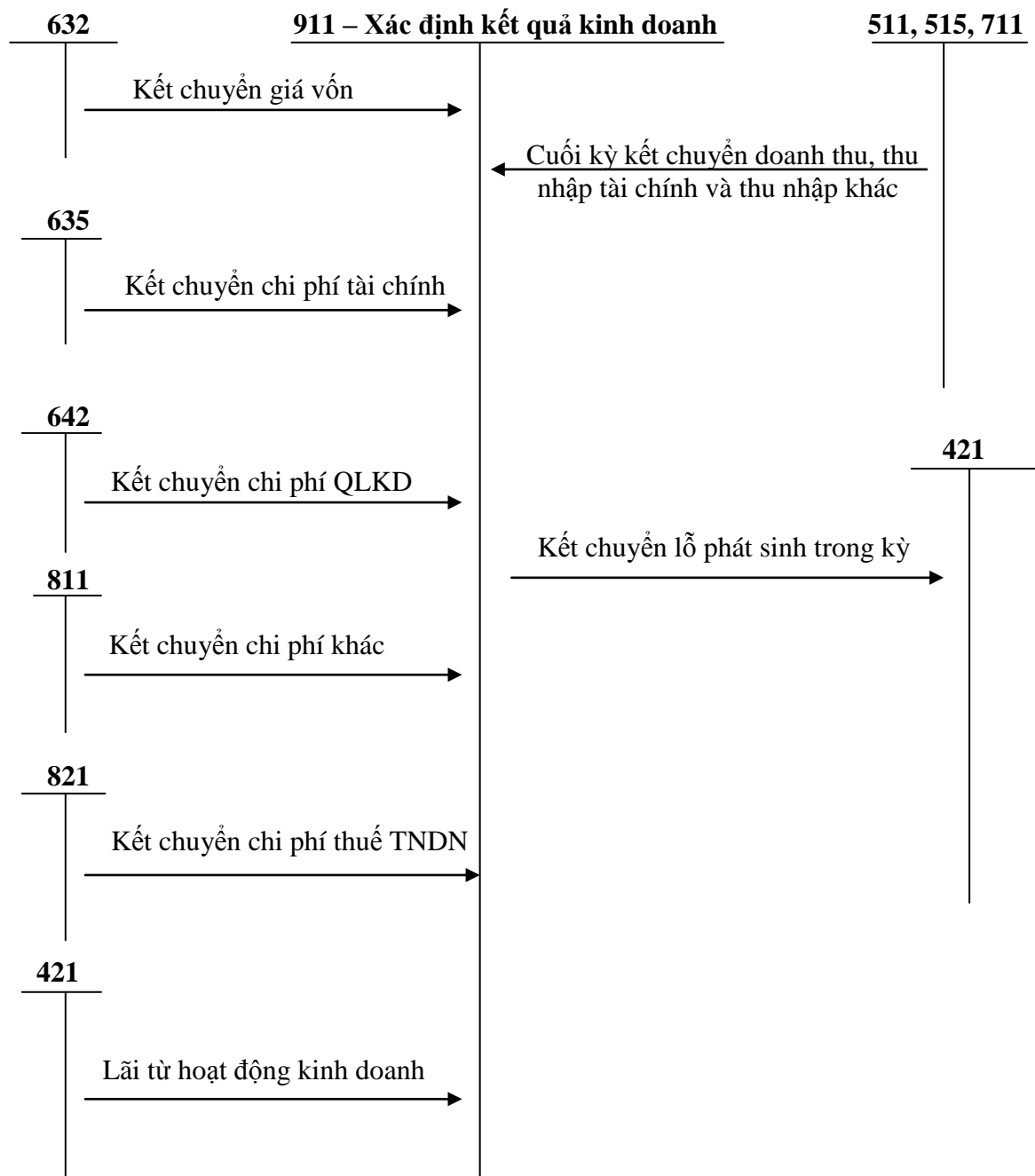
<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp. - Chi phí hoạt động tài chính. - Chi phí khác. - Chi phí quản lý kinh doanh. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Sơ đồ 1.12: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



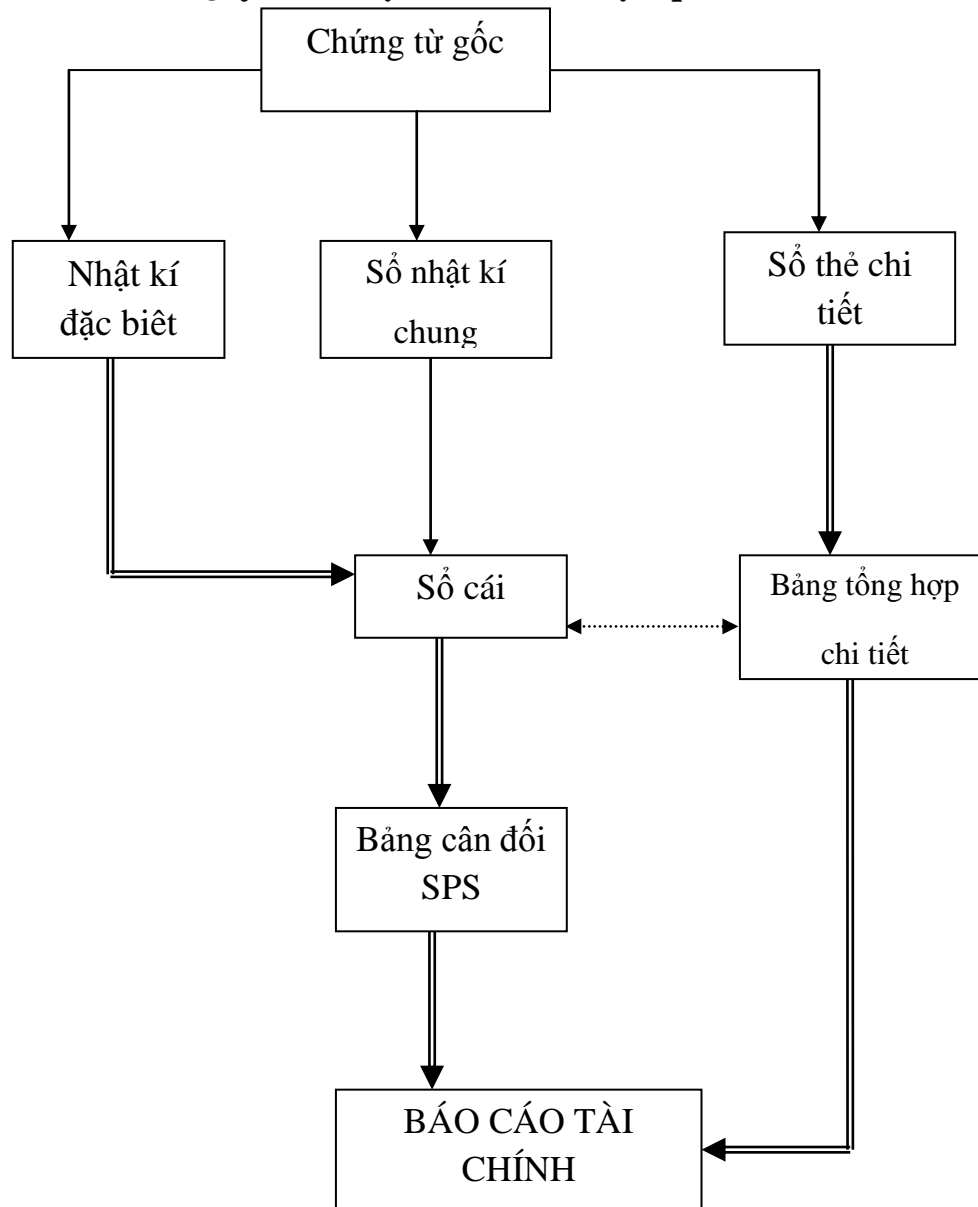
1.3. Tổ chức sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán thể hiện qua sơ đồ 1.14



Ghi chú: Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra - - - - ->

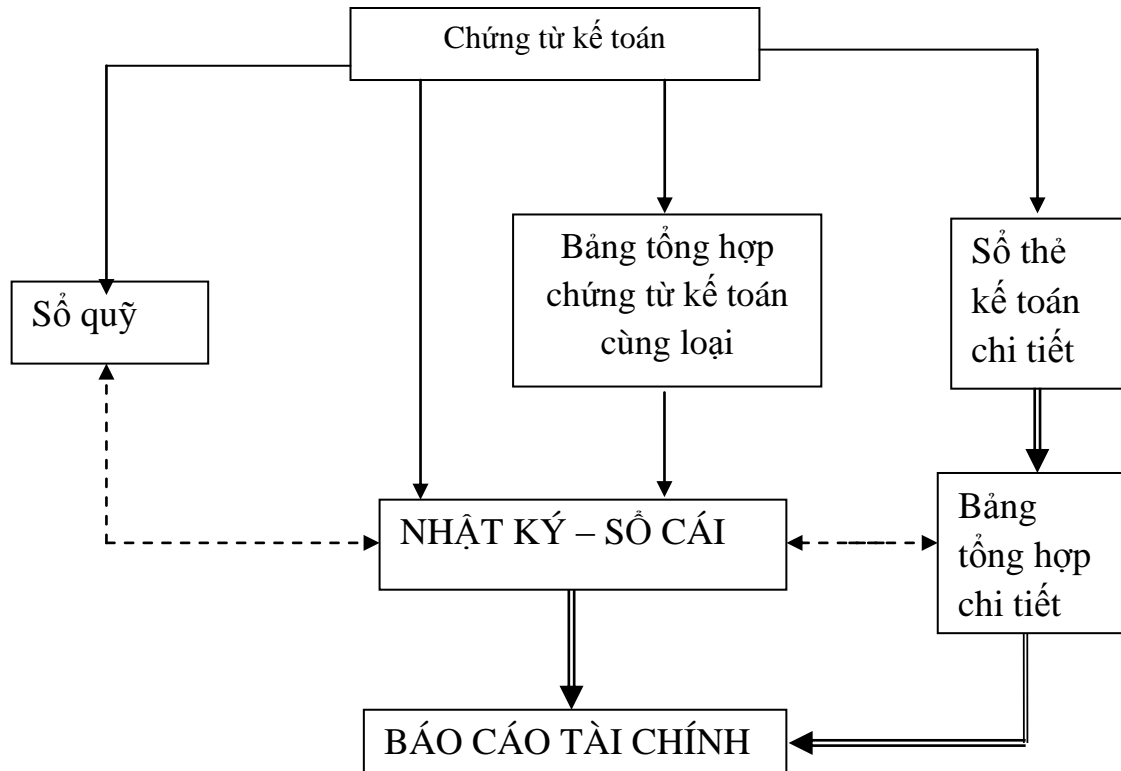
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật ký – Sổ cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán được thể hiện qua sơ đồ 1.15

Sơ đồ 1.15 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ →
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

✚ Đặc trưng cơ bản:

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp.

-Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

-Ghi theo nội dung trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Căn cứ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng kí chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm , phải được kế toán trưởng ký trước khi ghi sổ kế toán.

✚ Hình thức kế toán gồm các sổ:

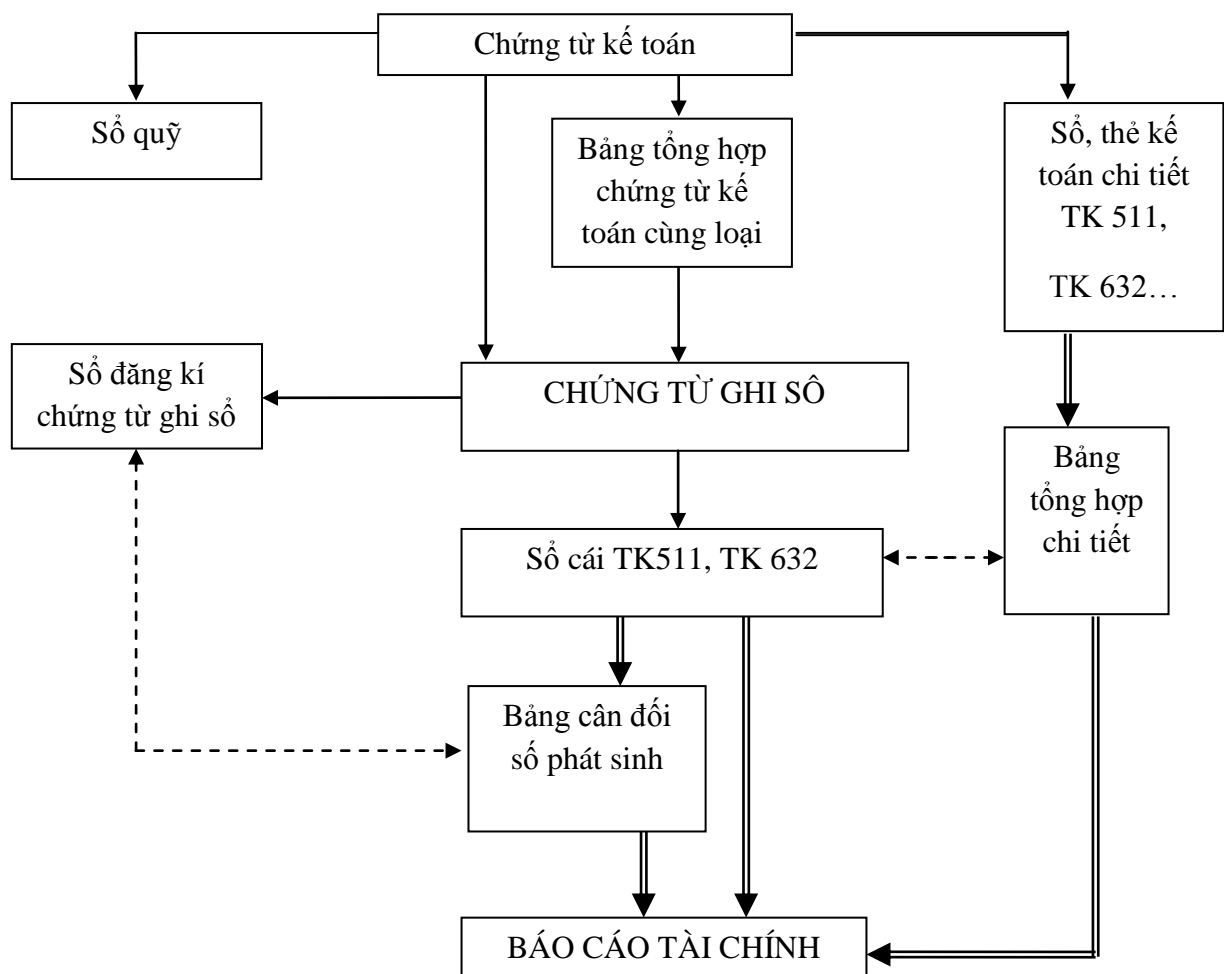
-Chứng từ ghi sổ.

- Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.

-Sổ cái

-Các sổ , thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.16



Sơ đồ 1.16 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

Ghi chú: Ghi hàng ngày →
 Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
 Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.

Đặc trưng cơ bản:

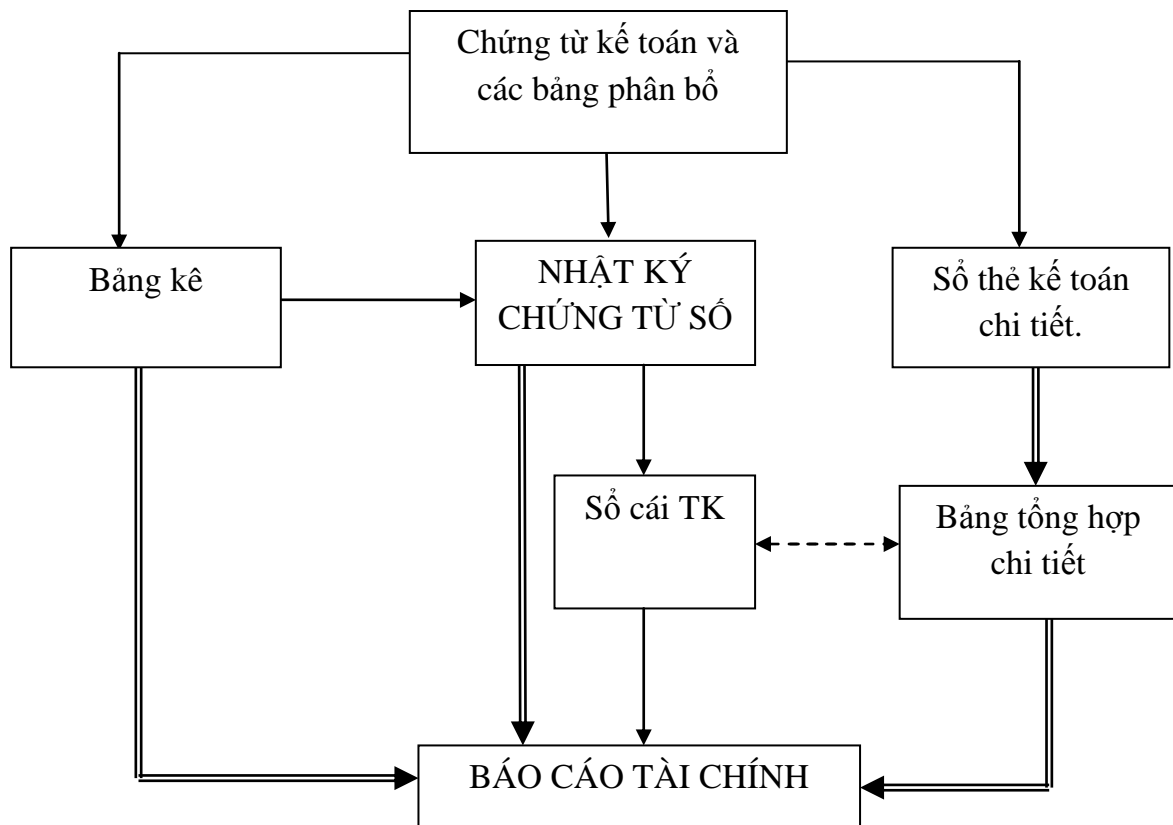
- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đứng nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quy trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ ghi sẵn các quan hệ đứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý

kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán gồm các sổ:

- Nhật kí chứng từ,
- Bảng kê.
- Sổ cái
- Các sổ , thẻ kế toán chi tiết.

Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 1.17 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký – chứng từ

- Ghi chú:** Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ══════════>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra - - - - ->

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

❖ Đặc trưng cơ bản:

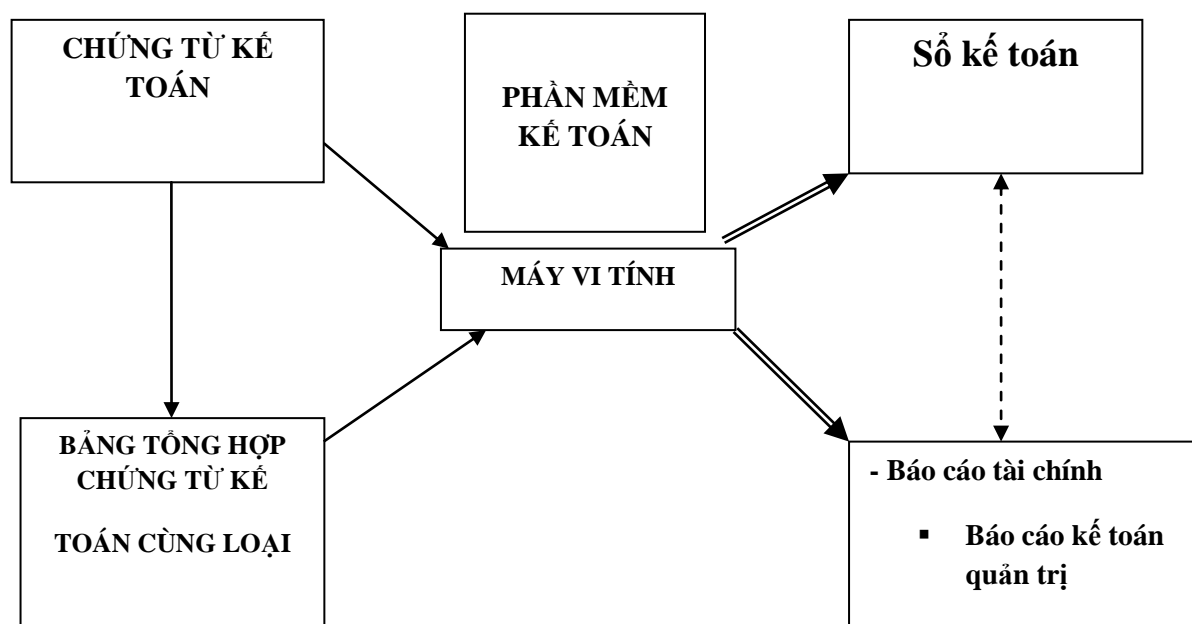
Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Quy trình hạch toán như sơ đồ 1.17:

THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH



Sơ đồ 1.17 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- <-.-.-.-> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPDV THƯƠNG MẠI HÙNG AN

2.1. Khái quát chung về Công Ty CPDV Thương Mại Hùng An.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công Ty CPDV Thương Mại Hùng An.

Tên tiếng anh	: HUNG AN STOCK TRADING SERVICES COMPANY		
Tên công ty	: CÔNG TY CPDV THƯƠNG MẠI HÙNG AN		
Địa chỉ	: Km 6+200 đường Hùng Vương		
Điện thoại	: 0313.975.270		
Mã số ĐKKD	: 0203000323	Mã số thuế	: 0200510079
Giám đốc công ty	: Lê Thị Kim		

Là một doanh nghiệp nhỏ, nhưng với thiện chí và sự nhiệt tình và chăm chỉ, từ chỉ có 5 công nhân và bây giờ hơn 16 công nhân, công ty cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ sau bán tốt nhất. Gần 10 năm xây dựng và phát triển công ty đã phát triển nhanh chóng về mọi mặt như cơ sở hạ tầng, quản lý, sản xuất năng động và sáng tạo, làm việc có hiệu quả, nhân viên có việc làm ổn định và nâng cao đời sống công nhân.

Trong buổi đầu sơ khai, với quy mô là một công ty nhỏ, cơ sở vật chất cũng như mẫu mã hàng hóa còn đơn điệu. Đặc biệt trong giai đoạn này, đất nước ta mở rộng hợp tác về kinh tế nhiều mặt với các nước trên thế giới, mở ra tầm nhìn mới, thị trường mới, do đó công ty cũng đòi hỏi nhiều đổi mới về chất lượng dịch vụ, mẫu mã đa dạng mang đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng. Đồng thời công ty lấy việc tổ chức học tập, đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân viên làm tiền đề cơ bản cho quá trình đổi mới và phát triển.

Trong suốt quá trình kể từ khi thành lập đến nay Công ty chưa có sự thay đổi về trụ sở, Công ty luôn hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh dưới sự giám sát của Sở kế hoạch đầu tư TP Hải Phòng và chi cục thuế TP Hải Phòng, Công ty thực hiện báo cáo các chỉ tiêu theo yêu cầu của phòng thống kê TP Hải Phòng, khai báo quyết toán thuế với Chi cục thuế TP Hải Phòng, doanh nghiệp đã nộp thuế đầy đủ, đúng hạn vào ngân sách Nhà nước tại kho bạc TP Hải Phòng.

- Tư cách pháp lý

Công ty CPDVTM Hùng An được thành lập trên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0203000323 do phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư TP Hải Phòng cấp ngày 21 tháng 01 năm 2003.

* Hình thức công ty: Công ty Cổ phần dịch vụ.

* Quy mô doanh nghiệp: Vừa và nhỏ.

- *Chức năng, ngành nghề kinh doanh.*

Kinh doanh các sản phẩm điện máy, điện gia dụng, các sản phẩm hàng hóa khác thuộc danh mục hàng hóa pháp luật không cấm.

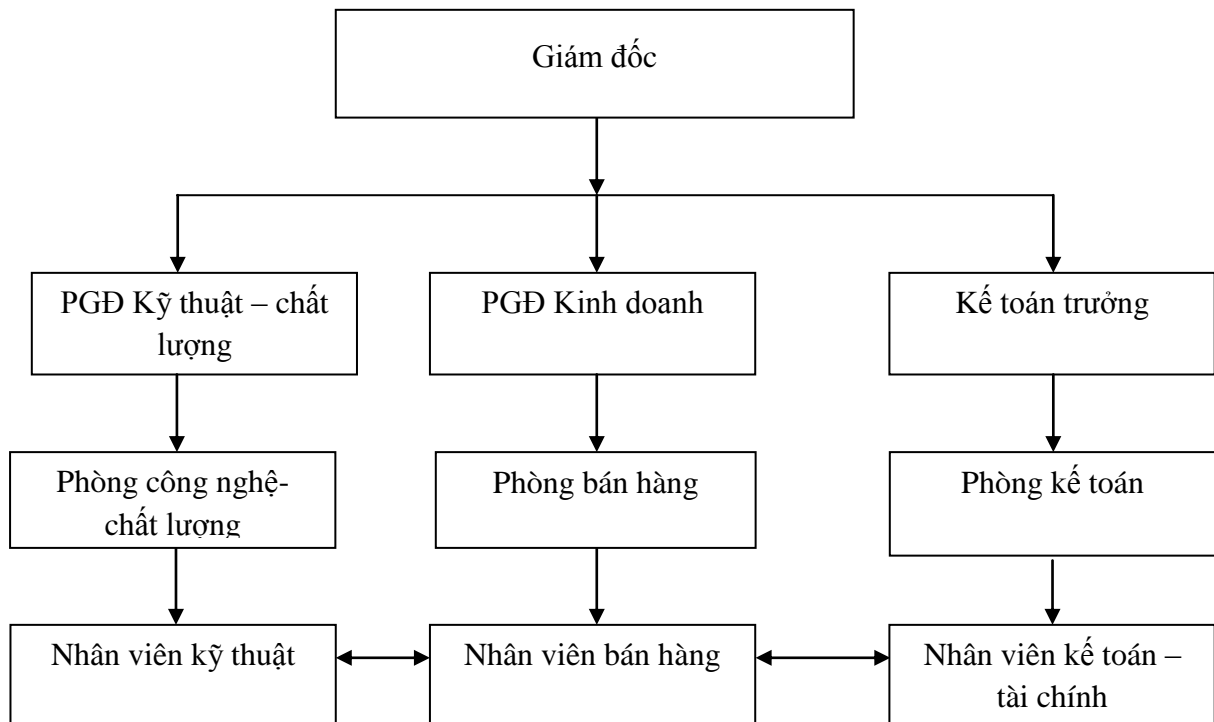
Hợp tác, liên doanh - làm đại lý cho các công ty khác trong nước và ở nước ngoài để mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty. Làm đại lý cho các hãng điện tử lớn như SONY, SAMSUNG, LG, TOSHIBA, HÒA PHÁT, PANASONIC...

Công ty luôn coi trọng chất lượng sản phẩm, dịch vụ là nền tảng cho sự lớn mạnh của công ty, để làm được điều đó ban lãnh đạo công ty đã không ngừng đầu tư các phương tiện hiện đại để có thể đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng một cách nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo chất lượng trong mọi hoàn cảnh.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công Ty CPDV Thương Mại Hùng An.

Bộ máy quản lý của Công ty CPDVTM Hùng An được tổ chức theo mô hình bàn bạc tìm những giải pháp tối ưu cho những vấn đề phức tạp. Những quyết định quản lý do các phòng ban chức năng nghiên cứu, đề xuất khi được Giám đốc thông qua thì biến thành mệnh lệnh từ trên xuống theo tuyến đã định. Với cách tổ chức bộ máy quản lý theo mô hình trực tuyến chức năng Công ty đã phát huy tối đa năng lực chuyên môn của các bộ phận chức năng mà vẫn đảm bảo sự chỉ huy thống nhất của lãnh đạo.

Sơ đồ 2.1 Mô hình tổ chức quản lý của công ty



Trong đó:

→ : Mối quan hệ điều hành trực tiếp

↔ : Mối quan hệ trao đổi thông tin

- **Giám đốc:** là người quản lý điều hành toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Là người đại diện cho công ty, có quyền hạn cao nhất trong công ty.

- **Phó giám đốc:** do giám đốc đề nghị, có nhiệm vụ hỗ trợ giám đốc trong quá trình điều hành công ty, chịu sự chỉ đạo của giám đốc, được giám đốc ủy quyền giải quyết các công việc khi giám đốc đi vắng.

- **Nhân viên kỹ thuật:** có nhiệm vụ lắp đặt sản phẩm tại nhà cho khách hàng, sửa chữa, bảo hành sản phẩm, giải đáp các thắc mắc của khách hàng liên quan đến vấn đề kỹ thuật.

- **Nhân viên kế toán:** có nhiệm vụ vào sổ các chứng từ khi bán hàng, lập các báo cáo tài chính...

Nhìn vào sơ đồ tổ chức ta có thể nhận thấy cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của công ty CPDVTM Hùng An theo mô hình trực tuyến chức năng – cơ cấu tổ chức phổ biến hiện nay. Với cấu trúc quản lý này, nó đảm bảo tính thống nhất trong hoạt động quản trị, nó giúp cho quản lý công ty không bị chông chéo, mâu thuẫn. Mặt khác nó cũng có nhược điểm: đòi cấp trên phải có trình độ tổng hợp.

- *Một số thuận lợi và khó khăn của công ty*

Thuận lợi:

- Vị trí của công ty nằm trên tuyến đường quốc lộ 5 thuận lợi cho việc giao dịch dễ dàng vận chuyển hàng hóa thuận lợi.
- Về quản lí xây dựng từng bước ổn định với hệ thống các văn bản pháp quy để tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng đúng pháp luật.
- Có cơ sở vật chất kĩ thuật phục vụ trong công tác của công nhân viên.
- Với hình thức kinh doanh đa ngành, đội ngũ cán bộ, công nhân lành nghề, có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm.
- Là công ty có bộ máy điều hành gọn nhẹ, năng động, bám sát cơ chế thị trường. Có trang thiết bị chuyên dùng, thường xuyên được bổ sung, đổi mới để nắm bắt kịp thời tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- Cơ sở vật chất của công ty đã có những thay đổi đáng kể, phát triển theo hướng công nghiệp hóa –hiện đại hóa, ngày càng đa dạng công nghệ. Công ty đã sản xuất được nhiều mặt hàng phục vụ tốt cho khách hàng trong và ngoài nước.

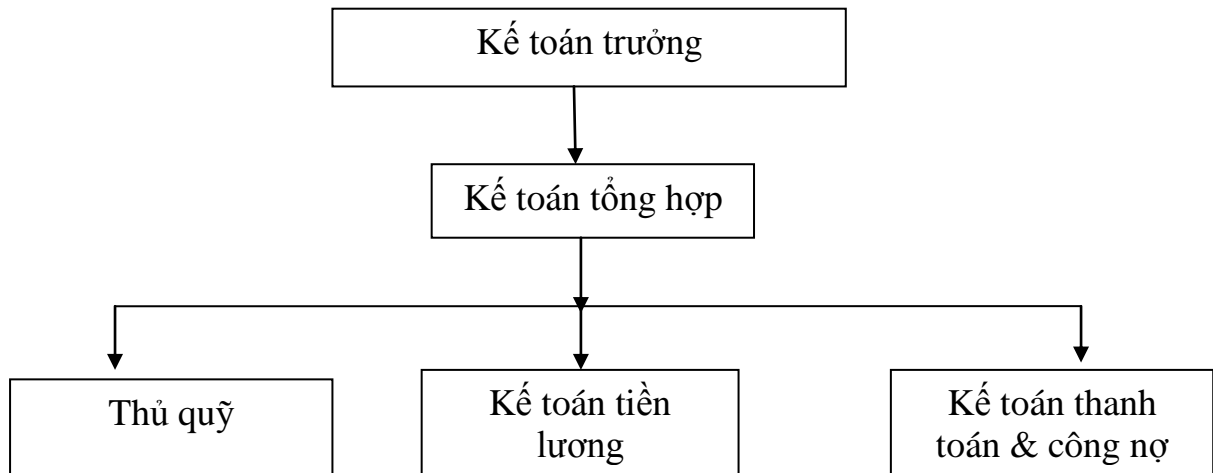
Khó khăn:

- Giá cả trên thị trường trong và ngoài nước đang biến động mạnh ảnh hưởng đến việc kinh doanh của công ty. Đất nước phát triển, cạnh tranh nhiều với các công ty có quy mô sản xuất lớn hơn, công nghệ sản xuất hiện đại hơn. Vì thế công ty phải có vốn đầu tư lớn hơn.

2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Công Ty CPDV TM Hùng An.

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty CPDV TM Hùng An.

Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Hùng An là công ty có quy mô vừa và nhỏ hoạt động trên địa bàn tập trung nên công ty tổ chức kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng kế toán của công ty, với quy mô tập trung công ty đã tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo kịp thời, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự điều hành chỉ đạo của giám đốc công ty với toàn bộ hoạt động kinh doanh.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ phận kế toán có 5 người gồm có 01 kế toán trưởng, 03 kế toán viên và 01 thủ quỹ. Mỗi bộ phận kế toán có trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ của mình theo từng công việc đã nhận:

+ **Kế toán trưởng:** Tổ chức công tác kế toán thống kê và bộ máy phù hợp với công tác tổ chức kinh doanh. Tổ chức ghi chép số liệu chính xác, kịp thời và đầy đủ. Toàn quyền phân công, chỉ đạo trực tiếp các nhân viên kế toán ở công ty. Chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính trước ban giám đốc và cơ quan hữu sát. Lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

+ **Kế toán tổng hợp:** Theo dõi số liệu tổng hợp toàn công ty, tham gia quyết toán, tổng hợp số liệu và lập bảng báo cáo tài chính và các báo cáo giải trình khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.

+ **Kế toán tiền lương:** Hạch toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản khấu trừ vào lương. Theo dõi phần trích nộp và chi trả BHXH, KPCĐ, BHYT, BHTN, làm quyết toán và thanh toán các khoản chi theo quy định.

+ **Kế toán theo dõi thanh toán và công nợ:** Theo dõi sát sao tình hình công nợ phải thu về tiền bán sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ khác để nhanh chóng thu hồi vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho người cung cấp vật tư, hàng hóa cho công ty. Mở sổ theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo từng đối tượng để có số liệu cung cấp kịp thời khi cần thiết và tập hợp số liệu kê khai thuế GTGT đầu vào.

+) **Thủ quỹ:** Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời Thu – Chi – Tồn quỹ tiền mặt vào sổ quỹ, khi kế toán trưởng hoặc ban giám đốc yêu cầu thì phải báo cáo. Thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm quản lý tiền mặt.

2.1.3.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền sử dụng : VNĐ.
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp khấu hao đều.
- Phương pháp tính giá vật tư xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

❖ **Chế độ, chính sách kế toán công ty đang áp dụng.**

Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tại công ty CpDV TM Hùng An

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

❖ **Chứng từ công ty đang sử dụng.**

Công ty sử dụng hai loại mẫu chứng từ là chứng từ bắt buộc và chứng từ hướng dẫn. Danh mục các loại chứng từ mà công ty CPDV Hùng An sử dụng gồm có:

Các loại chứng từ bắt buộc:

- ❖ Phiếu thu 01-TT
- ❖ Phiếu chi 02-TT
- ❖ Hóa đơn GTGT
- ❖ Phiếu xuất kho
- ❖ Biên bản bàn giao tài sản cố định : 01- TSCĐ...

Các loại chứng từ không bắt buộc:

- ❖ Bảng chấm công: 01a-LĐTL
- ❖ Bảng thanh toán tiền lương: 02-LĐTL
- ❖ Biên bản kiểm kê vật tư: 03-VT
- ❖ Giấy đề nghị tạm ứng: 03-TT...

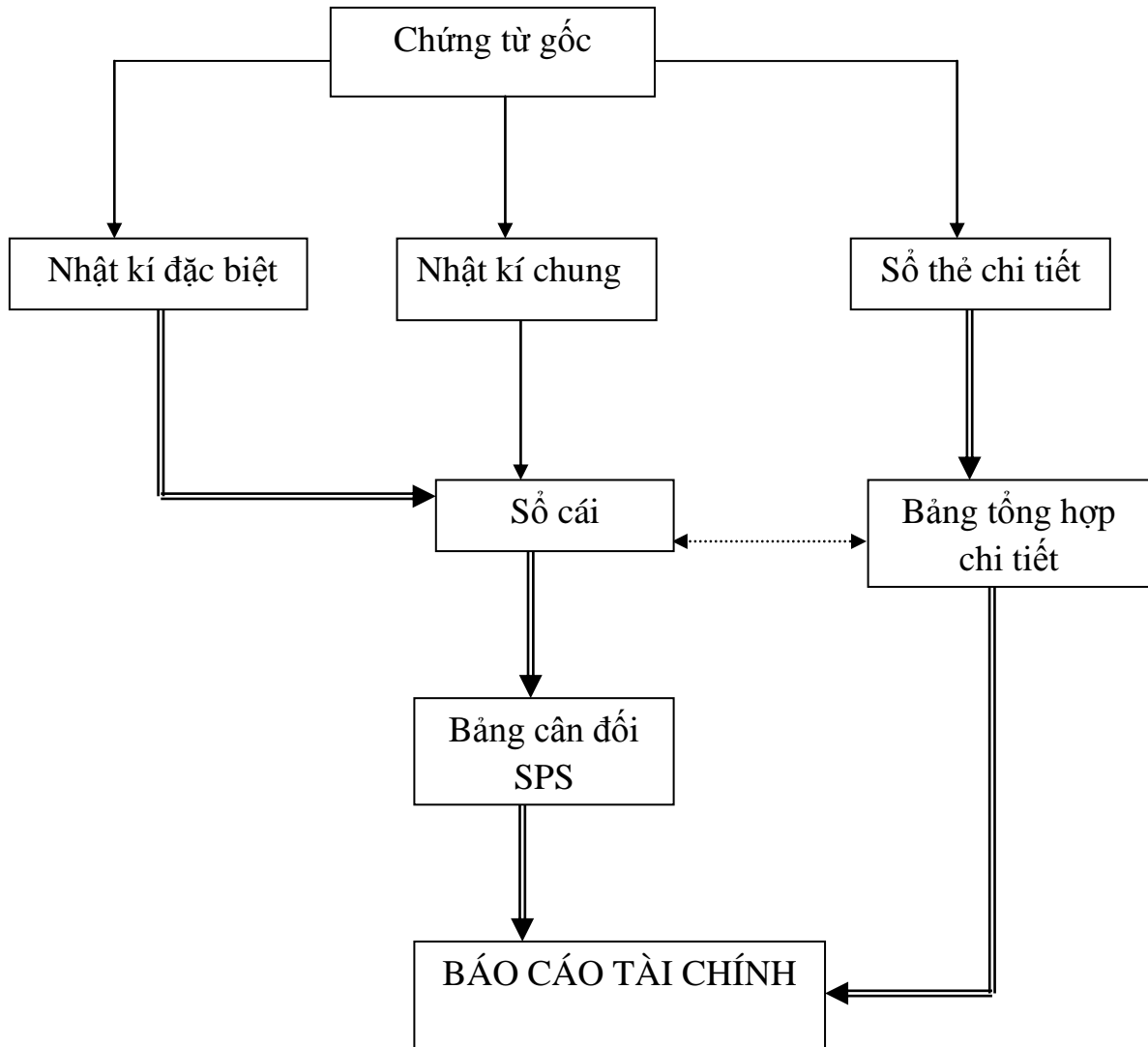
Các loại sổ công ty sử dụng:

- ❖ Sổ kế toán tổng hợp gồm: sổ nhật ký, sổ cái.
- ❖ Sổ kế toán chi tiết gồm: sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Các loại báo cáo kế toán:

- ❖ Báo cáo tài chính hàng quý hàng năm gửi cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính bao gồm:
 - ❖ Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DNN)
 - ❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (mẫu số B02-DNN)
 - ❖ Thuyết minh báo cáo tài chính(mẫu số B09-DNN)
 - ❖ Bảng cân đối tài khoản (mẫu số F01-DNN)
- ❖ **Hình thức kế toán mà đơn vị đang áp dụng.**
Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

- ← - - - - - → : Kiểm tra đối chiếu
- → : Ghi hàng ngày
- == → : Ghi cuối tháng

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPDV Thương Mại Hùng An.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ tại Công ty CPDV TM Hùng An.

❖ Phương thức bán hàng tại công ty.

- Phương thức bán hàng trực tiếp.
- Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng.

❖ Hình thức thanh toán .

-Thanh toán ngay

+ Chuyển khoản.

+Tiền mặt.

-Thanh toán chậm: Bán chịu(điều này phụ thuộc vào điều khoản hợp đồng giữa hai bên)

❖ Tài khoản sử dụng.

- TK 511 – *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*
- TK 333(3331) – *Thuế GTGT phải nộp*
- TK 911 – *Xác định kết quả kinh doanh*
- Các TK liên quan khác: TK 111, 112, 131,...

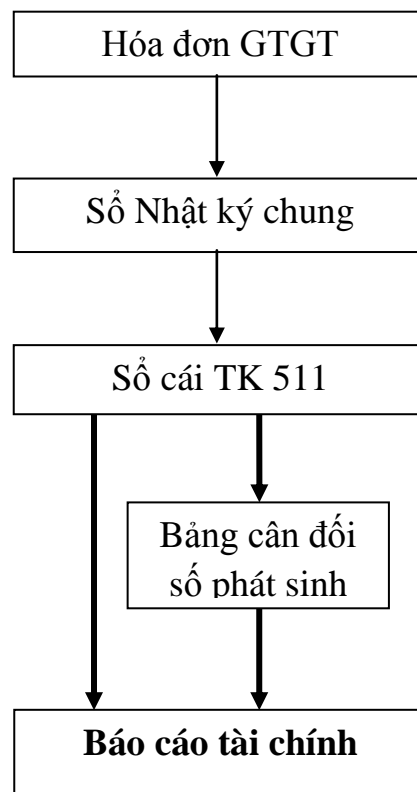
❖ Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn GTGT
 - + Liên 1 (màu tím): *được lưu lại quyển hóa đơn*
 - + Liên 2 (màu đỏ): *giao cho khách hàng*
 - + Liên 3 (màu xanh): *luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán*
- Phiếu xuất kho, Lệnh xuất kho
- Bảng kê hóa đơn thực xuất, Bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ
- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu thu, Phiếu kế toán, Giấy báo có,...

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ cái TK 511, TK 632
- Sổ chi tiết bán hàng

❖ Quy trình hạch toán.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Đối chiếu, kiểm tra ↔

Căn cứ vào các chứng từ gốc, hàng ngày kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung và Sổ chi tiết doanh thu bán hàng. Cuối tháng dựa vào sổ nhật ký chung để tiến hành vào sổ cái tài khoản doanh thu và dựa vào các sổ chi tiết doanh thu kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó so sánh số liệu giữa sổ cái và sổ tổng hợp chi tiết. Cuối kỳ kế toán cộng số liệu trên sổ cái và sổ tổng hợp để lập bảng cân đối số phát sinh, báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 10 tháng 12 năm 2013 công ty xuất bán cho cửa hàng điện tử Lan Thông 3 chiếc máy tính acer E1 432 đơn giá 6.290.000đ đã thu bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 0072011, cửa hàng điện tử Lan Thông chuyển tiền qua ngân hàng. Công ty nhận được GBC23 ngày 10/12 của Ngân hàng Công Thương Hải Phòng thông báo về số tiền đã nhận được, kế toán tiến hành nhập sổ Nhật ký chung, từ số liệu trên vào sổ Cái TK 511. Cuối năm tiến hành lập Báo cáo tài chính, bút toán định khoản như sau:

Định khoản:

Nợ TK 112 : 20.757.000

Có TK 511: 18.870.000

Có TK 3331: 1.887.000

Biểu 2.1.

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/13P		
Liên 3: Nội bộ			0072011		
Ngày 10 tháng 12 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM Hùng An					
Mã số thuế: 020010079					
Địa chỉ: Số 7 Km6 + 200 đường Hùng Vương, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: 0313.975.270			Fax:		
Họ tên người mua hàng: Nguyễn văn Thông					
Tên đơn vị: Cửa hàng điện tử Lan Thông					
Mã số thuế:					
Địa chỉ: Số 70 Lạch Tray- Hải Phòng					
Số tài khoản: 711A80147359					
Hình thức thanh toán: CK					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Máy tính Acer E1 432	Chiếc	3	6.290.000	18.870.000
Cộng tiền hàng					18.870.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	
					1.887.000
Tổng cộng tiền thanh toán					20.757.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.2. Giấy báo có ngày 10/12 tại NH Cổ Phần Công Thương Hải Phòng.

Ngân hàng CP Công Thương Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ
Số 23
Ngày 10 / 12 / 2013

Kính Gửi : Công TY Cổ Phần DVTM Hùng An

Hôm nay chúng tôi thông báo đã ghi Có vào tài khoản có của quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi có:

Số tiền bằng số : 20.757.000 đ

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Cửa hàng điện tử Lan Thông thanh toán tiền hàng.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.3.**C.TY CP DVTM HÙNG AN****Mẫu số S03a - DNN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Trích năm 2013***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
		
7/12	PT 001/07	7/12	Thu tiền hàng	111 131	4.470.000	4.470.000
		
10/12	HĐ GTGT 072011	10/12	Bán 3 chiếc máy tinh acer cho cửa hàng điện tử Lan Thông	112 511 3331	20.757.000	18.870.000 1.887.000
		
13/12	HĐGT GT 072123	13/12	Bán chuột mitsumi thu tiền mặt	111 511 3331	495.000	450.000 45.000
			...			
			Cộng phát sinh		39.281.926.680	39.281.926.680

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013***Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.4.

Công ty CPDV TM Hùng An

Mẫu số S03b-DNN

Km6+200, Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Trích năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Dư đầu tháng			
			Số phát sinh trong kỳ			
....
10/12	HDGT 0072011	10/12	Bán hàng thanh toán bằng ck	112		20.757.000
13/12	HDGTGT 0072123	13/12	Bán hàng thanh toán bằng tiền mặt	111		450.000
....		
31/12	PKT 01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	6.758.585.374	
			Cộng phát sinh		6.758.585.374	6.758.585.374
			Số dư cuối kỳ			

Số ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Giám đốc

(Đã ký)

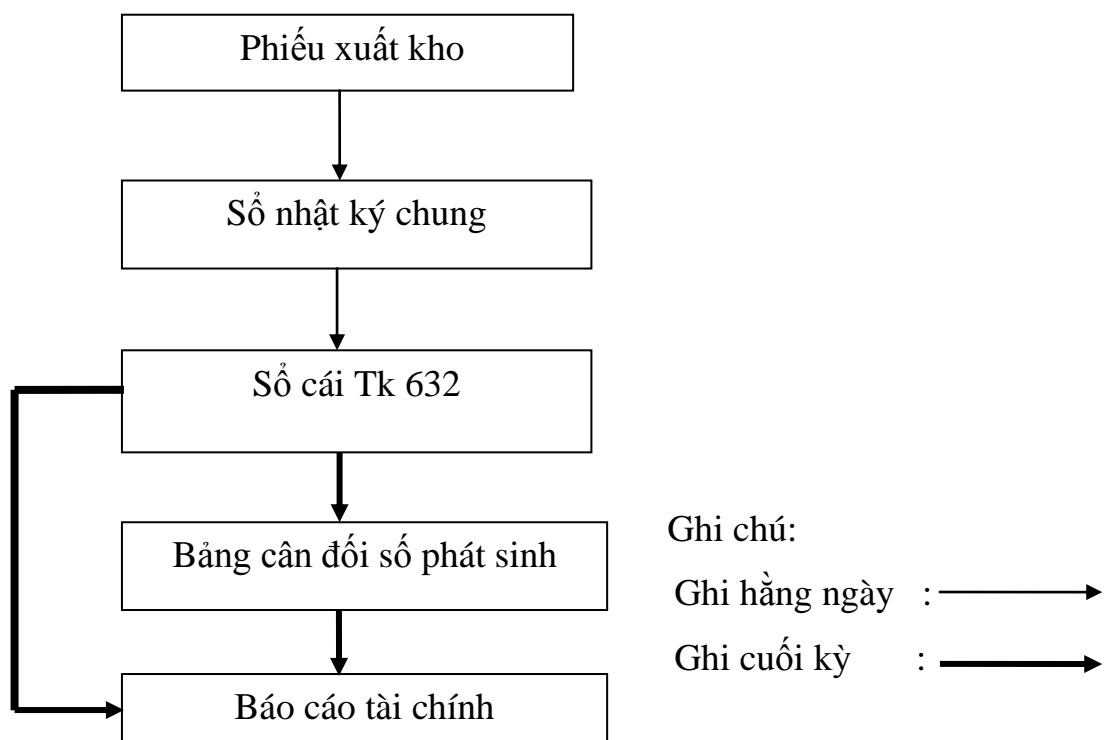
(Nguồn trích : Sổ liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

2.2.2. Hạch toán giá vốn hàng bán.

Để phản ánh giá vốn hàng xuất bán công ty sử dụng TK 632 - Giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán trong kì tại công ty được tính theo phương pháp bình quân cả kì dự trữ. Theo phương pháp này, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị hàng hóa mua vào trong kỳ. Giá trị trung bình được tính theo từng kì hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp. Cách tính giá hàng hóa xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ.

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá của hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế của hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Sau khi ghi nhận doanh thu, cuối tháng kế toán xác định đơn giá của hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ sau đó tính toán giá trị hàng hóa xuất bán trong phiếu xuất kho. Từ phiếu xuất kho kế toán vào sổ Nhật ký chung sổ chi tiết giá vốn hàng bán đồng thời vào sổ Cái tài khoản giá vốn. Cuối tháng cộng sổ liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm, lập Báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ kế toán:**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán.**

Ví dụ 2:

Đầu tháng 12/2013, tồn kho 6 chiếc máy tính acer E1, đơn giá 5.892.785. Trong tháng 12 chỉ nhập ngày 5/12/2013 nhập 10 chiếc, đơn giá mua chưa VAT 5.925.680. Ngày 10/12/2013, xuất kho 3 chiếc, đơn giá bình quân xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kì dự trữ theo số liệu trong ví dụ được tính như sau.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} &= \frac{6 \cdot 5.892.785 + 10 \cdot 5.925.680}{6 + 10} \\ \text{gia quyền cả kỳ} &= \frac{35.356.710}{16} \\ &= 5.913.344 \text{đ} \end{aligned}$$

Như vậy tính thành tiền của 3 chiếc máy tính acer xuất ngày 10/12/2013 như sau.

$$= 3 * 5.913.344 = 17.740.032 \text{ đ}$$

Từ P XK 00112 (biểu 2.5) xuất kho 3 chiếc máy tính acer E1 kế toán theo dõi số lượng thực xuất. Cuối tháng xác định đơn giá của hàng hóa bán ra, sau đó kế toán căn cứ ghi tổng giá vốn hàng hóa xuất bán trong kỳ vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.6). Đồng thời căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái tài khoản giá vốn hàng bán (biểu 2.7). Cuối quý tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm lập Báo cáo tài chính.

Định khoản :

Nợ TK 632: 17.740.032

Có TK 156: 17.740.032

Biểu 2.5.**C.Ty CP DVTM HÙNG AN****Mẫu số 02 – VT**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Số: 121/12

Nợ: TK632

Có: TK156

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Mạnh Hùng Địa chỉ(bộ phận): bán hàng

- Lý do xuất kho: Bán máy tính acer E1

- Xuất tại kho (ngăn lô): hàng hóa Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính acer E1	ACE1	Chiếc	3	3	5.913.344	17.740.032
	Cộng			3	3	5.913.344	17.740.032

- Tổng số tiền(viết bằng chữ): Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn không trăm ba hai đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 10 tháng 12 năm 2013

Người lập**Người nhận****Thủ kho****Kế toán trưởng****Giám đốc****phiếu****hàng**

(Ký, họ tên)

(hoặc bộ phận có

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

nhu cầu nhập)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.6.**C.Ty CP DVTM HÙNG AN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Trích năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			

10/12	PXK 121/12	10/12	Xuất kho máy tính acer	632 156	17.740.032	17.740.032
10/12	HĐGTGT 0072011	10/12	Bán hàng cho công ty điện tử	112 511 3331	20.757.000	18.870.000 1.887.000
15/12	PXK 123/12	15/12	Xuất kho hàng cho cty lan anh	632 156	62.500.000	62.500.000
...
			Cộng phát sinh		39.281.926.680	39.281.926.680

Số ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2013

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn trích : Sổ liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.7.**C.Ty CP DVTM HÙNG AN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Trích năm 2013

Đơn vị tính : VND

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
			Dư đầu tháng			
			Số phát sinh			
...
10/12	PXK 121/12	10/12	Xuất máy tính acer bán	156	17.740.032	
..	
15/12	PXK 123/12	15/12	Xuất hàng bán cho công ty Lan Anh	156	62.500.000	
...
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		5.823.734.546
			Cộng phát sinh		5.823.734.546	5.823.734.546
			Số dư cuối kỳ			

Sổ ngày có trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ:

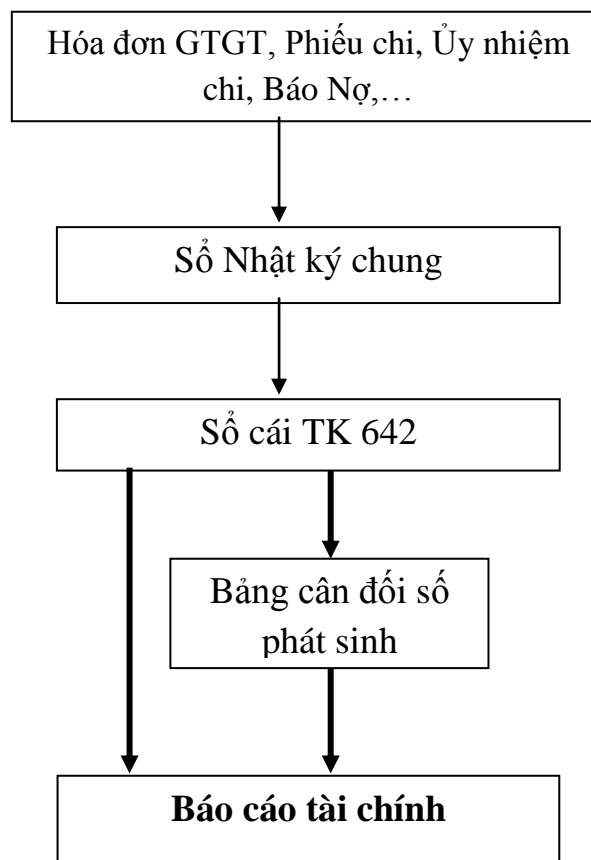
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

2.2.3 Hạch toán chi phí kinh doanh tại Công Ty CP DV HÙNG AN.

Chi phí quản lý kinh doanh dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm: chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Đó là những khoản chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động bán hàng, quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về tiền lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác, ...

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi định kỳ \longrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 642.

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

VD 3:

Ngày 22/12/2013 phát sinh nghiệp vụ mua văn phòng phẩm trị giá thanh toán là 2.750.000 tại công ty văn phòng phẩm Hoàng Hà thanh toán bằng tiền mặt

Định khoản:

Nợ TK 642 : 2.500.000

Nợ TK 133 : 250.000

Có TK 111 : 2.750.000

Căn cứ vào Hoá đơn GTGT số 00062078 (biểu 2.8) kế toán tiến hành lập Phiếu chi số 142 (biểu 2.9). Từ phiếu chi và HĐGTGT kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.10). Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ Cái tài khoản chi phí (biểu 2.11). Cuối quý cộng số liệu trên sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Cuối năm, lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.8.

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/13P		
Liên 2: giao cho khách hàng			0062078		
Ngày 22 tháng 12 năm 2013					
Đơn vị bán hàng: Công ty văn phòng phẩm Hoàng Hà					
Mã số thuế: 0200672129					
Địa chỉ: 111 Điện Biên Phủ					
Số tài khoản:					
Điện thoại:			Fax:		
Họ tên người mua hàng: Phạm Lan Anh					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN DVTM Hùng An					
Mã số thuế: 020010079					
Địa chỉ: Số 7 Km6 + 200 đường Hùng Vương, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Giấy A4 ngoại	Hộp	3	500.000	1.500.000
02	Giấy A4 nội	Hộp	4	250.000	1.000.000
Cộng tiền hàng					2.500.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					250.000
Tổng cộng tiền thanh toán					2.750.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.9.**Mẫu số 02 –TT**

C.TY CP DVTM HÙNG AN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Số: 123

Ngày 22 tháng 12 năm 2013

Nợ: TK642

Có: TK111

Người nhận tiền: Phạm Lan Anh

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm

Số tiền: 2.750.000đ

(Viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT0062078

Ngày 22 tháng 12 năm 2013

Giám đốc (Đã Ký)	Kế toán trưởng (Đã Ký)	Thủ quỹ (Đã Ký)	Người lập phiếu (Đã Ký)	Người nhận tiền (Đã Ký)
----------------------------	--	---------------------------	-----------------------------------	---

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu).

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.10.**C.TY CP DV TM HÙNG AN****Mẫu số S03a - DNN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Trích năm 2013***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
		
10/12	PXK 121/12	10/12	Xuất kho máy tính acer	632 156	17.740.032	17.740.032
10/12	HĐGT 0072011	10/12	Bán hàng cho công ty điện tử	112 511 3331	20.757.000	18.870.000 1.887.000
...
22/12	HĐGT 0072078	22/12	Mua văn phòng phẩm thanh toán bằng tiền mặt	642 133 111	2.500.000 250.000	2.750.000
...
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLKD	642 911	549.601.852	549.601.852
			Cộng phát sinh		39.281.926.680	39.281.926.680

*Ngày 31 tháng 12 năm 2013***Người ghi sổ****Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.11.**C.TY CP DVTM HÙNG AN****Mẫu số S03b - DNN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí kinh doanh

Số hiệu: 642

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
		
4/12	HD0071 223	4/12	Thanh toán tiền điện tháng 11/2013	111	634.225	
15/12	PC24	15/12	Thanh toán tiền lương tháng 11/20123	111	51.233.591	...
22/12	HD0072 078	22/12	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	2.750.000	
		
31/12	PKT 02/12	31/12	Kết chuyển cp QLDN	911		549.601.852
			Cộng phát sinh trong kỳ		549.601.852	549.601.852
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

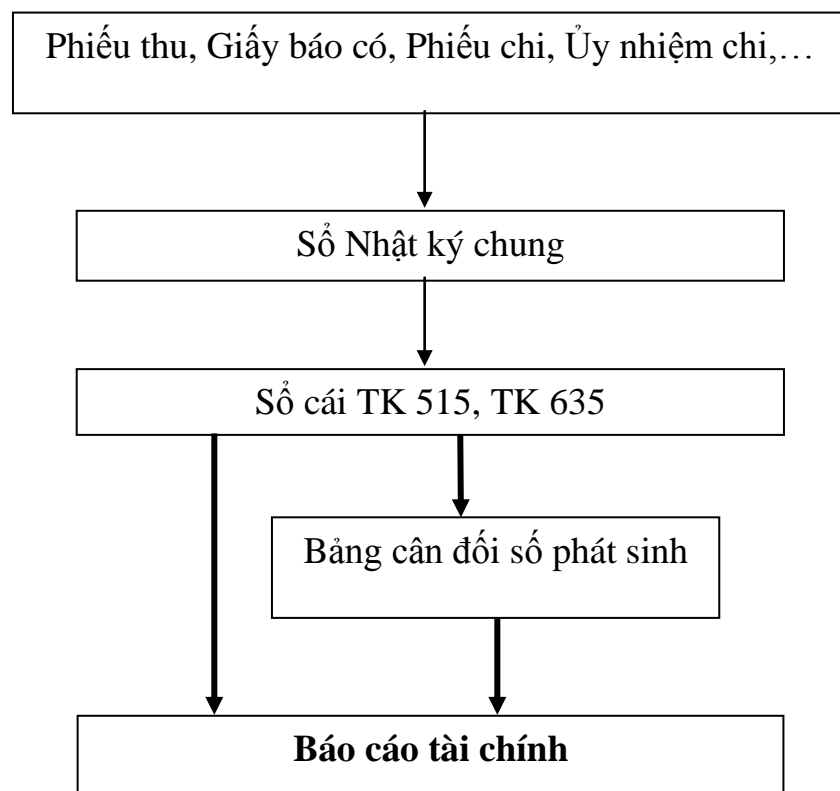
(Nguồn trích : Sổ liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

2.2.4. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính của công ty**❖ Tài khoản sử dụng.**TK 515 – *Doanh thu hoạt động tài chính*TK 635 – *Chi phí hoạt động tài chính***❖ Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo có, Giấy báo nợ, Ủy nhiệm chi
- Sao kê tài khoản ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu, Phiếu chi

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ Cái TK 515, 635**❖ Quy trình hạch toán.**

Sơ đồ 2.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi định kỳ →

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái TK 515, 635...

Cuối quý, cuối năm kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập bảng Cân đối tài khoản và lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 4:

Ngày 16/12/2013 Ngân hàng CP Công Thương Hải Phòng trả lãi tiền gửi tháng 12/2013 cho công ty là 45.000đ

Căn cứ vào giấy báo có số 23 (biểu 2.12). Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (biểu 2.14). Sau đó dựa vào sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái tài khoản 515 (biểu 2.15). Cuối quý cộng sổ phát sinh trên sổ cái và lập bảng cân đối sổ phát sinh. Cuối năm, lập báo cáo tài chính.

Định khoản:

Nợ TK 112: 45.000

Có TK 515: 45.000

Ví dụ 5 :

Ngày 26/12/2013 phát sinh nghiệp vụ, công ty tiến hành trả lãi vay cho ngân hàng CP Công Thương Hải Phòng số tiền: 1.125.000đ

Căn cứ vào giấy báo nợ số 3 (biểu 2.13). Kế toán vào sổ Nhật ký chung (biểu 2.14). Sau đó dựa vào sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái tài khoản 635 (biểu 2.16). Cuối quý cộng sổ phát sinh trên Sổ cái và lập bảng cân đối sổ phát sinh. Cuối năm, lập báo cáo tài chính.

Định khoản:

Nợ TK 635: 1.125.000

Có TK 112 : 1.125.000

Biểu 2.12.**NGÂN HÀNG CP CÔNG THƯƠNG HẢI PHÒNG
GIẤY BÁO CÓ
SỐ :23**

Ngày 16/12/2013

Kính gửi: CÔNG TY CP DV TM HÙNG AN

Mã số thuế: 020010079

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 711A80147359

Số tiền bằng số: 45.000

Số tiền bằng chữ: BỐN MƯƠI NĂM NGHÌN ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: Lãi nhập vốn

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Kiểm soát

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.13**NGÂN HÀNG CP CÔNG THƯƠNG HẢI PHÒNG****GIẤY BÁO NỢ
SỐ :32**

Ngày 26/12/2013

Kính gửi: CÔNG TY CP DV TM HÙNG AN

Mã số thuế: 020010079

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 711A80147359

Số tiền bằng số: 1.125.000

Số tiền bằng chữ: MỘT TRIỆU MỘT TRĂM HAI MƯƠI NĂM NGHÌN ĐỒNG CHẴN.

Nội dung: Công ty trả lãi ngân hàng

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

Kiểm soát

(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.14.**C.TY CP DVTM HÙNG AN****Mẫu số S03a - DNN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Trích năm 2013***Đơn vị tính: Đồng*

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
		
16/12	GBC23	16/12	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2013	112 515	45.000	45.000
...
18/12	PC57	18/12	Thanh toán cước điện thoại tháng 11/2013	642 133 111	453.098 45.309	498.407
...
26/12	GBN	26/12	Trả lãi vay cho ngân hàng	635 112	1.125.000	1.125.000
26/12	GBN 110	26/12	Thanh toán tiền hàng cho công ty Samsung bằng TGNH	331 112	52.332.113	52.332.113
...
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515 911	8.465.273	8.465.273
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	635 911	7.300.910	7.300.910
			Cộng phát sinh		39.281.926.680	39.281.926.680

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Sổ liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.15.

Mẫu số S03b - DNN

C.TY CP DVTM HÙNG AN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Trích năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
		
16/12	GBC23	16/12	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 12/2013	112		45.000
		
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển	911	7.467.332	
			Cộng phát sinh trong kỳ		7.467.332	7.467.332
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.16.**C.TY CP DVTM HÙNG AN****Mẫu số S03b - DNN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Trích năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
		
23/12	GBN 12	23/12	Phí chuyển tiền nộp BHXH, BHYT T11/2013	112	59.000	
26/12	GBN32	26/12	Trả tiền lấy vay ngân hàng	112	1.125.000	...
		
31/12	PKT	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911	6.356.354	
			Cộng phát sinh trong kỳ		6.356.354	6.356.354
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Sổ liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

Trong năm 2013 Công ty CPDV Hùng An không phát sinh nghiệp vụ liên quan thu nhập khác và chi phí khác.

Thu nhập khác và chi phí khác của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ hoặc các điều chỉnh về thuế thu nhập hay giá trị công cụ, dụng cụ, TSCĐ ghi tăng thu nhập khác.

❖ Chứng từ sử dụng

- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ,...
- Phiếu thu, Phiếu chi...

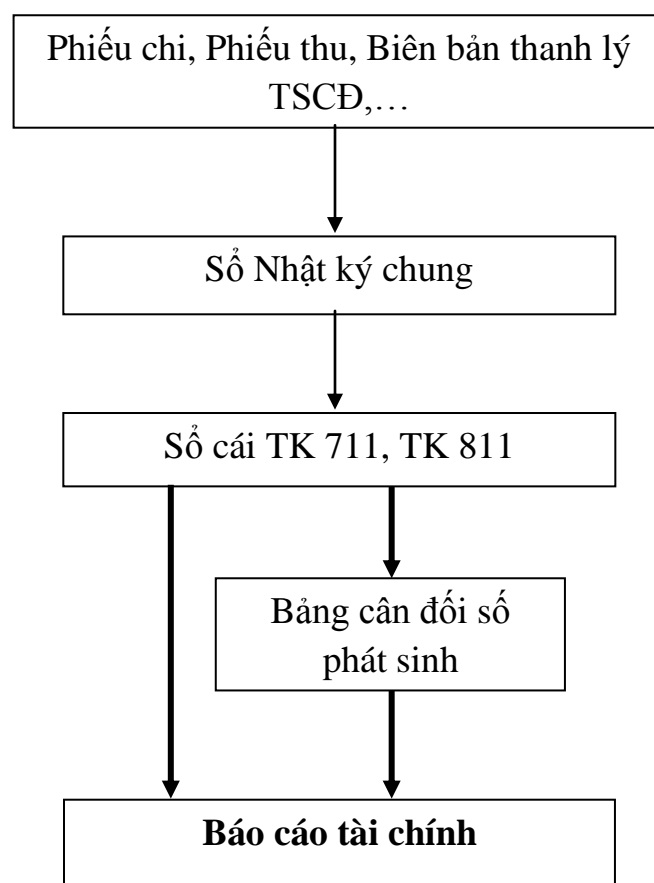
❖ Tài khoản sử dụng

TK 711 – Thu nhập khác

TK 811 – Chi phí khác

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán thu nhập khác, chi phí khác



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \longrightarrow

Từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, biên bản thanh lý TSCĐ căn cứ vào hóa đơn kế toán viết phiếu thu. Kế toán tiến hành ghi nhận thu nhập khác và chi phí khác. Từ hóa đơn GTGT kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung sau đó từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào sổ Cái TK thu nhập khác và chi phí khác. Cuối quý tổng hợp số liệu trên sổ Cái để lập báo cáo kết quả kinh doanh và các báo cáo tài chính.

2.2.6. Thực trạng tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.

❖ Tài khoản sử dụng

TK 911 – *Xác định kết quả kinh doanh*

Các TK liên quan khác:

TK 821 – *Chi phí thuế TNDN*

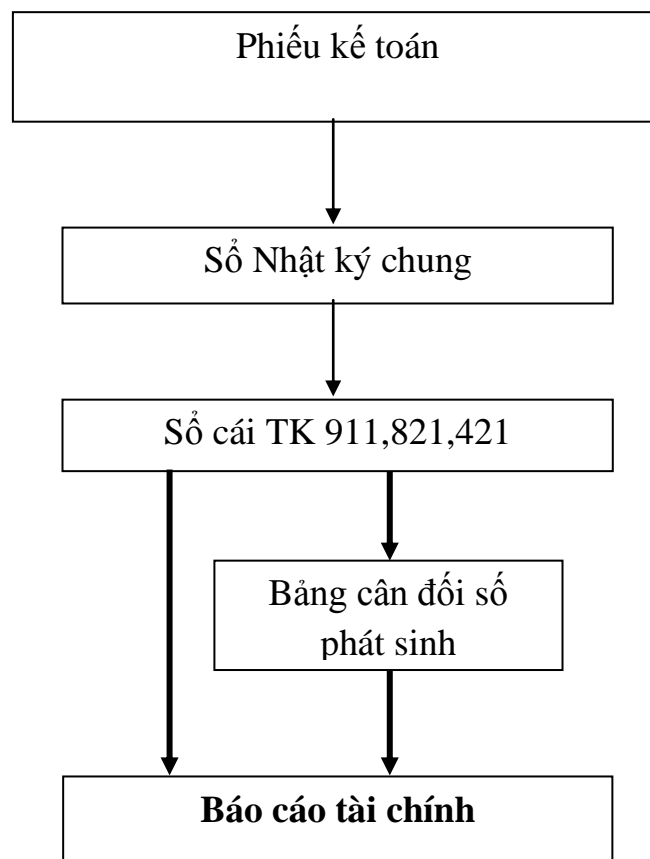
TK 421 – *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*

❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

❖ Sổ sách sử dụng: Sổ cái TK 911, 821, 421

❖ Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi định kỳ \longrightarrow

Ví dụ: Có số liệu năm 2013 của công ty như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 6.758.585.374 đồng
- Các khoản giảm trừ doanh thu	: 0 đồng
- Giá vốn hàng bán	: 5.823.734.546 đồng
- Doanh thu hoạt động tài chính	: 7.467.332 đồng
- Chi phí tài chính	: 6.356.354 đồng
- Chi phí quản lý kinh doanh	: 549.601.852 đồng
- Thu nhập khác	: 0 đồng
- Chi phí khác	: 0 đồng

Xác định kết quả kinh doanh:

$$\begin{aligned} \text{Doanh thu thuần} &= \text{Doanh thu bán hàng} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\ &= 6.758.585.374 - 0 = 6.758.585.374 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận gộp} &= \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn hàng bán} \\ &= 6.758.585.374 - 5.823.734.546 = 934.850.828 \text{ đồng} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Lợi nhuận khác} &= \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác} \\ &= 0 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

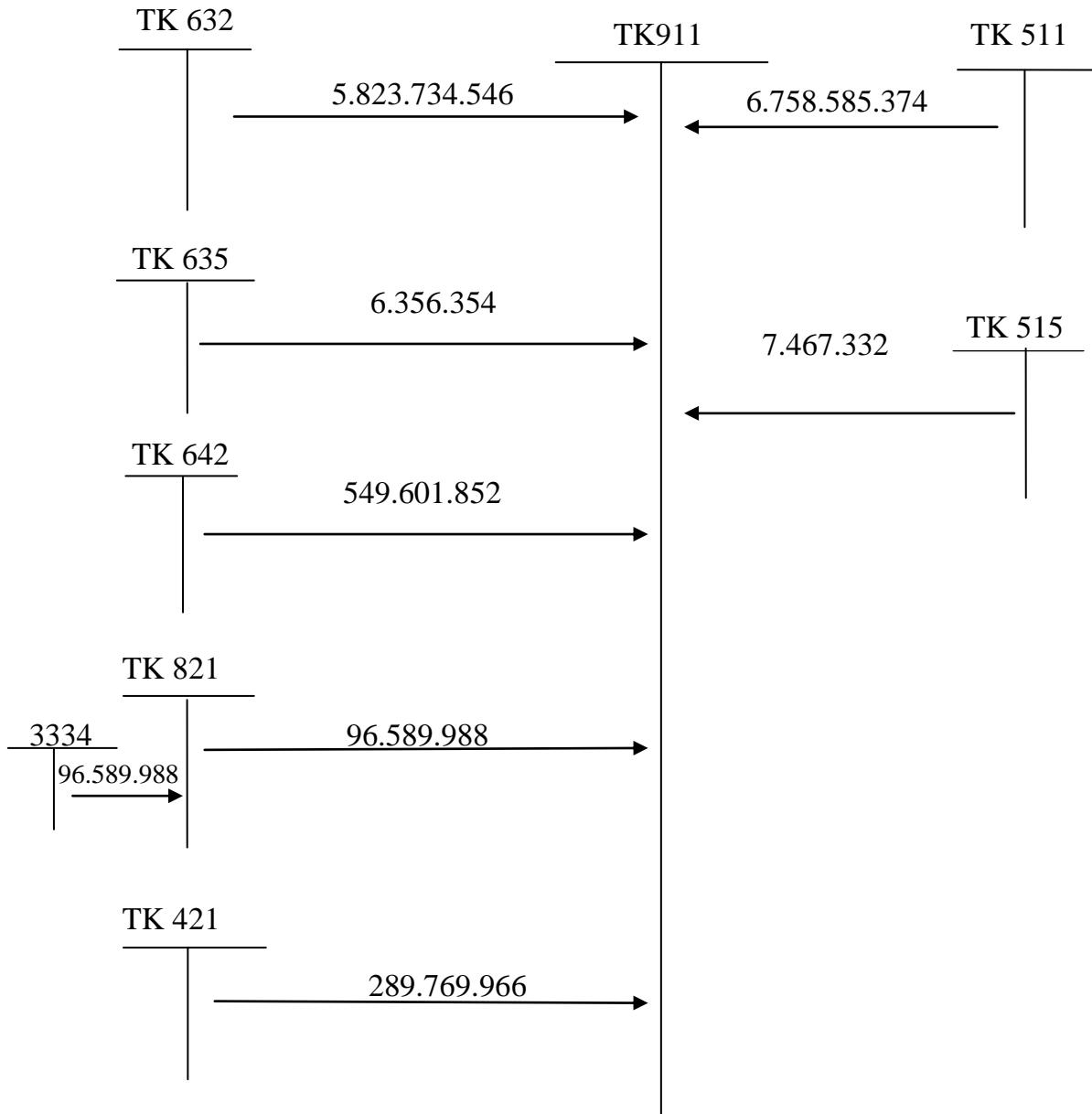
$$\begin{aligned} \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} &= \text{Lợi nhuận gộp} + \text{doanh thu hoạt động TC} - \\ &\text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác} \\ &= 934.850.828 + 7.467.332 - 6.356.354 - 173.466.356 - 376.135.496 + 0 \\ &= 386.359.954 \text{ đồng} > 0 \end{aligned}$$

⇒ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp năm 2013 là lãi.

⇒ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = $386.359.954 * 25\% = 96.589.988$ đồng

⇒ Lợi nhuận sau thuế = 289.769.966 đồng

Sơ đồ 2.10: Kết chuyển kết quả kinh doanh.



Biểu 2.17.**C.TY CP DVTM HÙNG AN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 01: Kết chuyển doanh thu và thu nhập

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu và thu nhập khác.	511	911	6.758.585.374
		515	911	7.467.332
	Tổng			6.751.118.042

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu*(Đã Ký)***C.TY CP DVTM HÙNG AN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 02: Kết chuyển giá vốn, chi phí hàng bán

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn, chi phí hàng bán	911	632	5.823.734.546
		911	635	6.356.354
		911	642	549.601.852
	Tổng			6.379.692.752

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu*(Đã Ký)*

C.TY CP DVTM HÙNG AN

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 03: Xác định thuế TNDN

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN	821	3334	96.589.988
	Tổng			96.589.988

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu*(Đã Ký)***C.TY CP DVTM HÙNG AN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 04: Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	96.589.988
	Tổng			96.589.988

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu*(Đã Ký)*

C.TY CP DVTM HÙNG AN

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Số 05: Kết chuyển lợi nhuận sau thuế

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	289.769.966
	Tổng			289.769.966

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập phiếu*(Đã Ký)*

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.18:**C.TY CP DV TM HÙNG AN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Trích năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang			
....
31/12	PKT01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và thu nhập khác	511	6.758.585.374	
				911		6.758.585.374
				911	7.467.332	
				515		7.467.332
31/12	PKT02/12	31/12	Kết chuyển giá vốn, chi phí hàng bán.	911	5.823.734.546	
				632		5.823.734.546
				911	6.356.354	
				635		6.356.354
				911	549.601.852	
				642		549.601.852
31/12	PKT03/12	31/12	Xác định thuế TNDN	821	96.589.988	
				3334		96.589.988
31/12	PKT04/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	96.589.988	
				821		96.589.988
31/12	PKT05/12	31/12	Kết chuyển lãi	911	289.769.966	
				421		289.769.966
			Cộng phát sinh		39.281.926.680	39.281.926.680

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Sổ liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.19.**C.TY CP DV TM HÙNG AN****Mẫu số S03b – DNN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày

14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
PKT01/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và thu nhập khác.	511		6.758.585.374
			515		7.467.332
PKT02/12	31/12	Kết chuyển giá vốn, chi phí hàng bán	632	5.823.734.546	
			635	6.356.354	
			642	549.601.852	
PKT04/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	96.589.988	
PKT05/12	31/12	Kết chuyển lãi	421	289.769.966	
		Cộng số phát sinh		6.766.052.706	6.766.052.706
		<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.26.**C.TY CP DVTM HÙNG AN****Mẫu số S03b – DNN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Số hiệu: 821

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<i>Dư đầu kỳ</i>		-	-
PKT 03/12	31/12	Xác định chi phí thuế TNDN	3334	96.589.988	
PKT 04/12	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	911		96.589.988
		Cộng số phát sinh		96.589.988	96.589.988
		<i>Dư cuối kỳ</i>		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Sổ liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.27**C.TY CP DVTM HÙNG AN****Mẫu số S03b – DNN**

Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		<i>Dư đầu kỳ</i>		-	24.524.567
PKT 05/12	31/12	Kết chuyển lãi	911		289.769.966
		Cộng số phát sinh			289.769.966
		<i>Dư cuối kỳ</i>			314.294.533

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

Biểu 2.27.**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Niên độ tài chính năm 2013

Mã số thuế:

Người nộp thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	6.758.585.374	5.241.136.645
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6.758.585.374	5.241.136.645
4	Giá vốn hàng bán	11		5.823.734.546	4.505.491.156
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		934.850.828	735.645.484
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.467.332	6.455.343
7	Chi phí tài chính	22		6.356.354	4.336.245
8	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.345.000	-
9	Chi phí quản lý kinh doanh	24		549.601.852	532.826.593
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		386.359.954	204.937.989
11	Thu nhập khác	31		-	1.034.000
12	Chi phí khác	32		-	1.657.130
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	(623.13)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	386.359.954	204.937.366
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		96.589.988	51.234.341
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		289.769.966	153.703.025
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn trích : Số liệu Công ty CPDV TM Hùng An)

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI HÙNG AN

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP DVTM Hùng An

3.1.1. *Đánh giá chung*

Sau hơn nhiều năm hình thành và phát triển, công ty CPDV TM Hùng An đã tạo cho mình chỗ đứng trên thị trường mặc dù những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít những khó khăn từ các yếu tố khách quan cùng nhu cầu chủ quan mang lại. Trong những năm qua doanh thu và lợi nhuận của công ty tăng đều, thị trường ngày càng được mở rộng và ngày càng được khách hàng tin nhiệm.

Để đạt được những thành tựu như vậy không thể không kể đến sự nỗ lực phấn đấu và những kết quả đạt được của công tác kế toán. Việc phân chia công việc phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và yêu cầu quản lý của công ty, đồng thời thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa các kế toán viên dưới sự quản lý của kế toán trưởng đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của từng nhân viên trong phòng đem lại hiệu quả cao trong công việc.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty Hùng An, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của phòng kế toán, em đã có điều kiện được làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố những kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cp Dịch Vụ Thương Mại Hùng An

3.1.2. *Ưu điểm*

- Về tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, được phân công rõ ràng, tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Mỗi cán bộ nhân viên kế toán đều là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững quy trình kế

toán do công ty thiết lập, am hiểu và vận dụng chính sách chế độ kế toán của Nhà nước một cách có hiệu quả, có tinh thần trách nhiệm cao, làm việc có kế hoạch cụ thể, có tinh thần tương trợ giúp đỡ nhau góp phần chuyên môn hoá công việc, nâng cao trình độ kế toán viên, phát huy hết khả năng, sức lực của mình đồng thời góp phần cho tiến trình công việc được diễn ra thống nhất, trôi chảy, hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao nhiệm.

- **Về tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán:**

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Về cơ bản, công ty đã tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Chứng từ được lập đầy đủ, trung thực theo đúng nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Tất cả các chứng từ kế toán được sắp xếp rất khoa học, gọn gàng theo đúng nội dung kinh tế.

- **Về hình thức kế toán áp dụng tại công ty:**

Công ty áp dụng Hình thức kế toán Nhật ký chung mà công ty sử dụng khá phù hợp với mô hình của công ty hiện nay. Dựa trên những đặc điểm riêng của công ty là công ty thương mại, có quy mô nhỏ cũng như đặc điểm về quản lý, năng lực trình độ chuyên môn của các cán bộ kế toán nên việc áp dụng hình thức Nhật ký chung là hoàn toàn thích hợp.

- **Về việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ:**

Kế toán công ty đã tuân theo trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung.

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ kế toán phát sinh (đã kiểm tra) được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đối với một số tài khoản, kế toán công ty có mở Sổ kế toán chi tiết đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các Sổ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối kỳ cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh, lập Báo cáo tài chính.

- **Về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến bán hàng luôn được kế toán ghi nhận kịp thời, chính xác, đầy đủ, được hạch toán nhanh chóng, chính xác góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán doanh thu, chi phí và từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh. Qua công tác xác

định kết quả kinh doanh đã góp phần đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh, nhằm đánh giá hiệu quả của DN, để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của DN.

3.1.3. Hạn chế.

Ngoài những ưu điểm đã đạt được, việc tổ chức công tác kế toán tại Công Ty vẫn còn những hạn chế chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thực sự khoa học cần thiết phải phân tích, làm sáng tỏ, từ đó có những biện pháp thiết thực nhằm cung cấp thông tin hoàn thiện và đầy đủ hơn nữa giúp cho ban lãnh đạo đưa ra được những quyết định về hoạt động quản lý để đạt hiệu quả kinh tế cao.

➤ Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Hệ thống sổ kế toán đầy đủ bao gồm sổ tổng hợp và sổ chi tiết để công tác kế toán thực sự đạt hiệu quả. Tuy nhiên, khi hạch toán doanh thu, chi phí công ty mới chỉ sử dụng hệ thống sổ tổng hợp về doanh thu, chi phí kinh doanh. Công ty Cổ phần Hùng An có nhiều mặt hàng, doanh thu tiêu thụ cũng tương đối cao, nhưng khi hạch toán doanh thu công ty mới chỉ lập Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái, còn Sổ Chi tiết bán hàng và Bảng Tổng hợp chi tiết bán hàng không được lập. Điều này gây khó khăn cho việc theo dõi và xác định sản lượng, doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng một cách tổng quát, cũng như khó xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng đem lại. Vì thế gây bất cập trong việc đề ra các chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh cho các kỳ tiếp theo, nên tiếp tục sản xuất những mặt hàng nào để đem lại lợi nhuận cao cho DN.

1. Công ty Cổ phần Hùng An đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán. Tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào, mới chỉ được thực hiện trên Excel và Word và việc ghi chép còn thủ công. Do vậy, các công thức tính toán, số liệu khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Ngày nay khoa học công nghệ phát triển nhanh chóng áp dụng cho hầu hết mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy việc áp dụng công nghệ máy tính vào công việc tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao, giúp bộ phận kế toán tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng công việc, đồng thời đảm bảo độ chính xác khi tính toán. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các Báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Công ty chưa trích lập các khoản dự phòng như dự phòng phải thu khó đòi. Tuy công ty chỉ là một doanh nghiệp thương mại vừa và nhỏ, nhưng quy mô

các khoản phải thu khách hàng khá lớn mà việc thanh toán của khách hàng đôi khi còn rất chậm, thậm chí có những khách hàng mà doanh nghiệp không thể thu hồi được nợ. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được. Nhưng doanh nghiệp lại không lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi để giảm thiểu rủi ro.

3. Về việc hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.

Hiện công ty đang áp dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Theo đó, tài khoản 642-chi phí quản lý kinh doanh bao gồm 2 tài khoản chi tiết là tài khoản 6421- chi phí bán hàng và tài khoản 6422- chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, kế toán không sử dụng 2 tài khoản trên để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh, mà sử dụng chung một tài khoản là 642-chi phí quản lý kinh doanh. Theo em công ty nên tách chi phí quản lý kinh doanh ra làm hai tài khoản 6421 và 6422 theo đúng quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Nhằm phân biệt rõ hai chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp, giúp công ty tiết kiệm được chi phí.

3.2. Hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Thương Mại Hùng An.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu sản phẩm, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần DV TM Hùng An.

- Kiến nghị 1: Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu những đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, công ty lập dự phòng phải thu khó đòi.

Theo quy định, đối tượng và điều kiện được phép thực hiện trích lập dự phòng là các khoản nợ phải thu đảm bảo là các khoản nợ có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

Để xác định một khoản nợ phải thu khó đòi phải căn cứ vào các điều kiện sau:

- Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc cam kết nợ khác.

- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, tổ chức tín dụng,..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009, khoản I điều 6 của Bộ trưởng Bộ tài chính, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án,.. thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi trích lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng. Khi thực hiện trích lập dự phòng cần chú ý:

+ Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp không phải trích lập.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý kinh doanh phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC các khoản nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”.

Kết cấu và nội dung của TK 159 “Các khoản dự phòng”

Bên Nợ: Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Bên Có: Trích lập các khoản dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho.

Số dư bên Có: Số dự phòng giảm giá tài chính, đầu tư ngắn hạn, phải thu khó đòi, giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

Tài khoản 159 có 3 tài khoản cấp 2:

+ TK 1591 – “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

+ TK 1592 – “Dự phòng phải thu khó đòi”

+ TK 1593 – “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC kế toán sử dụng tài khoản 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi” để hạch toán các khoản nợ phải thu khó đòi.

Phương pháp hạch toán TK 1592 “Dự phòng phải thu khó đòi”.

Cuối kỳ kế toán năm, doanh nghiệp căn cứ vào nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập:

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 6422 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

Có TK 1592 – *Dự phòng phải thu khó đòi*

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 1592 – *Dự phòng phải thu khó đòi*

Có TK 6422 – *Chi phí quản lý doanh nghiệp*

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 1592 – *Dự phòng phải thu khó đòi*

Nợ TK 6422 – *Chi phí quản lý kinh doanh*

Có TK 131 – *Phải thu khách hàng*

Có TK 138 – *Phải thu khác*

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “*Nợ khó đòi đã xử lý*” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu được, ghi:

Nợ TK 111, 112, ...

Có TK 711 – *Thu nhập khác*

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “*Nợ khó đòi đã xử lý*” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).

Hiện nay công ty có một số khoản phải thu quá hạn từ các doanh nghiệp khác:

BẢNG KÊ CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI CỦA CÔNG TY

(Tính đến 31/12/2013)

STT	Công ty	Số tiền	Thời gian quá hạn thanh toán	Số cần lập dự phòng
1	Công ty CP Lan Anh	15.397.976	6 tháng 15 ngày	4.619.393
2	Công ty TNHH LA LAN	24.553.234	10 tháng 2 ngày	7.365.970
	Cộng	39.952.210		11.985.363

Kế toán định khoản nợ phải thu khó đòi:

Nợ TK 6422: 11.985.363

Có TK 1592: 11.985.363

Đồng thời kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái TK 642, Sổ cái TK 159.

- Kiến nghị 2: Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa.

Công ty nên xem xét và bổ sung chính sách chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho khách hàng nhằm tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Để hạch toán chiết khấu thương mại sử dụng tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại” khi hạch toán phải đảm bảo chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt tới mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh:

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại khách hàng được hưởng

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp theo chiết khấu thương mại

Có TK 111,112,131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu cho khách hàng sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

- Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 “Chi phí hoạt động tài chính”.

Phản ánh khoản chiết khấu thanh toán cho người mua hàng:

Nợ TK 635: Chi phí tài chính

Có TK 131,111,112: Chiết khấu thanh toán khách hàng được hưởng

Cuối kỳ, kết chuyển chiết khấu thanh toán sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

- Kiến nghị 3: Hoàn thiện sổ sách kế toán chi tiết tại công ty.

1. Khi hạch toán doanh thu bán hàng tại công ty cần hạch toán chi tiết

doanh thu của từng loại mặt hàng bán ra nhằm nắm bắt chi tiết doanh thu tiêu thụ của từng mặt hàng. Từ đó, các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được các chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, tìm đối tác,... Như vậy công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng cho từng loại mặt hàng.

Biểu 3.1: Bảng mẫu sổ chi tiết bán hàng.

Công ty CPDV Hùng An

Mẫu số S17- DNN

Địa chỉ: Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
 Phòng Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư:

Năm:

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu				Các khoản giảm trừ	
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		Thuế	Khác (521,531,532)
						Nợ	Có		
								
								
		Cộng số phát sinh							

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giám đốc
(Ký, họ tên)

VD: Mở sổ chi tiết cho mặt hàng Máy Tính Acer.

Biểu 3.2:

Công ty CPDV Hùng An

Mẫu số S17- DNN

Địa chỉ: Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Máy tính acer

Năm: 2013

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			
SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
						
0001672	11/10	Bán cho công ty Điện tử Hùng Thuận	131	05	6.000.000		30.000.000
...
0002424	20/10	Bán cho khách hàng	131	01	6.000.000		6.000.000
						
		Cộng số phát sinh		26			160.678.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

2. Khi hạch toán giá vốn hàng bán, kế toán nên hạch toán chi tiết giá vốn của hàng bán ra vì thông qua doanh thu và giá vốn chi tiết, ta có thể xác định được lãi gộp của từng mặt hàng. Đồng thời có hạch toán chi tiết giá vốn của từng loại mặt hàng bán ra thì doanh nghiệp mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo sức cạnh tranh trên thị trường của công ty.

Kế toán theo dõi chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty bằng TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh. Tài khoản này bao gồm rất nhiều yếu tố chi phí như: chi phí tiền lương, trích BHXH, tiền thưởng, phụ cấp,... của nhân viên quản lý, chi phí khấu hao tài sản cố định dùng trong quản lý, chi phí mua đồ dùng văn phòng, chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ dùng cho văn phòng, các khoản phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài như trả tiền điện, nước, điện thoại và chi phí bằng tiền khác. Do đó công ty nên mở thêm sổ chi tiết TK 6421- chi phí quản lý bán hàng và TK 6422 -chi phí quản lý doanh nghiệp, để theo dõi chi tiết hơn

Biểu 3.3.

Công ty CPDV Hùng An

Mẫu số S18- DNN

Địa chỉ: Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 621, 622, 623, 627, 154, 631, 642, 142, 242, 335, 632,

Năm:

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ Tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Chia ra		
				
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
						
			Cộng số phát sinh				
			Số dư cuối kỳ				

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Ví dụ: Mở sổ chi tiết cho TK 632- Giá vốn hàng bán

Biểu 3.4.

Công ty CPDV Hùng An

Địa chỉ: Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S18- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632

Trích năm: 2013

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐU'	Ghi nợ Tài khoản		
	Số hiệu	Ngày tháng			Chia ra		
					Tổng số tiền	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng)
A	B	C	D	E	1	2	3
			Số dư đầu kỳ				
			Số phát sinh trong kỳ				
...
10/12	PXK121/12	10/12	Xuất máy tính acer bán	156	17.740.032	3	5.913.344
15/12	PXK123/12	15/12	Xuất kho hàng cho cty lan anh	156	72.500.000	5	14.500.000
....
			Cộng số phát sinh		5.823.734.546		

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 3.5: Mở sổ chi tiết cho TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty CPDV Hùng An

Địa chỉ: Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S18- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Trích năm: 2013

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Ghi nợ Tài khoản 6422				
	Số hiệu	NT			Tổng số tiền	Chia ra			
						CP nhân viên QLý	...	CP dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2	4	5	6
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
					
4/12	HĐ 0071223	4/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11/2013	111	634.225			634.225	
...	
22/12	HĐ 0002078	22/12	Mua văn phòng phẩm thanh toán bằng tiền mặt	111	2.500.000			2.500.000	
						
			Cộng số phát sinh		376.135.496	53.654.978	37.898.237	21.543.765
			Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên)

*Biểu 3.6. Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho 6421.***Công ty CPDV Hùng An**

Địa chỉ: Km6+200, đường Hùng Vương, Hải Phòng

Mẫu số S18- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6421 – Chi phí bán hàng

Trích năm: 2013

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Ghi nợ Tài khoản 6422				
	Số hiệu	NT			Tổng số tiền	Chia ra			
						CP nhân viên	...	CP dịch vụ mua ngoài	Chi phí khác
A	B	C	D	E	1	2		5	6
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
		
5/12	PC24	5/12	Thanh toán tiền điện thoại phục vụ bán hàng	111	465.331	465.331			
...	
10/12	PC34	10/12	Mua xăng xe phục vụ giao hàng	111	5.736.500		5.736.500	
					
			Cộng số phát sinh		173.466.356	15.658.876	...	14.657.875	7.560.230
			Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Giám đốc
(Ký, họ tên)

❖ Kiến nghị 4: Phần mềm máy tính kế toán.

Công ty nên xem xét áp dụng các phần mềm kế toán nhằm giảm bớt gánh nặng công việc. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán máy chuyên dụng, hỗ trợ hiệu quả cho công tác kế toán mà công ty có thể tham khảo lựa chọn như: Misa Accounting, Vacom Accounting, 3S Accounting,... hoặc công ty có thể đặt mua phần mềm kế toán về sử dụng thì phải mời chuyên gia hướng dẫn, đào tạo nhân viên kế toán sử dụng tốt phần mềm.

Theo em, công ty nên tham khảo một số phần mềm kế toán sau :

1. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

Chức năng: phần mềm kế toán gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý nghiệp vụ phát sinh.

Ưu điểm:

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng 01 Phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ, sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đang dạng đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều CSDL, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên 01 CSDL độc lập.

- Điểm đặc biệt nữa ở MISA mà chưa có phần mềm nào có được đó là thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu.

- Tính chính xác: số liệu tính toán trong misa rất chính xác, ít xảy ra các sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao. Cho đến hiện nay thì các phần mềm chạy trên CSDL SQL, .NET,.. hầu như giữ nguyên bản quyền (trong khi một số phần mềm viết trên CSDL Visual fox lại bị đánh cắp bản quyền rất dễ).

Nhược điểm:

- Vì có SQL nên MISA đòi hỏi cấu hình máy tương đối cao, nếu máy yếu thì chương trình chạy rất chậm chạp.

- Tốc độ xử lý dữ liệu chậm, đặc biệt là khi cập nhật giá xuất hoặc bảo trì dữ liệu.

- Phân hệ tính giá thành chưa được nhà SX chú ý phát triển.

- Các báo cáo khi kết xuất ra excell sắp xếp không theo thứ tự, điều này rất

tôn công cho người dùng khi chỉnh sửa lại báo cáo.



Báo giá: 9.950.000 VNĐ

2. Phần mềm kế toán FAST.

Chức năng: phần mềm mang những tính năng nổi bật như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu, quản lý số liệu năm thuận lợi cho việc so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, tiện ích khi nhập số liệu. Đây là dòng được nhiều doanh nghiệp dùng .

Ưu điểm:

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, fast có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình (Báo cáo quản trị và báo cáo tài chính).

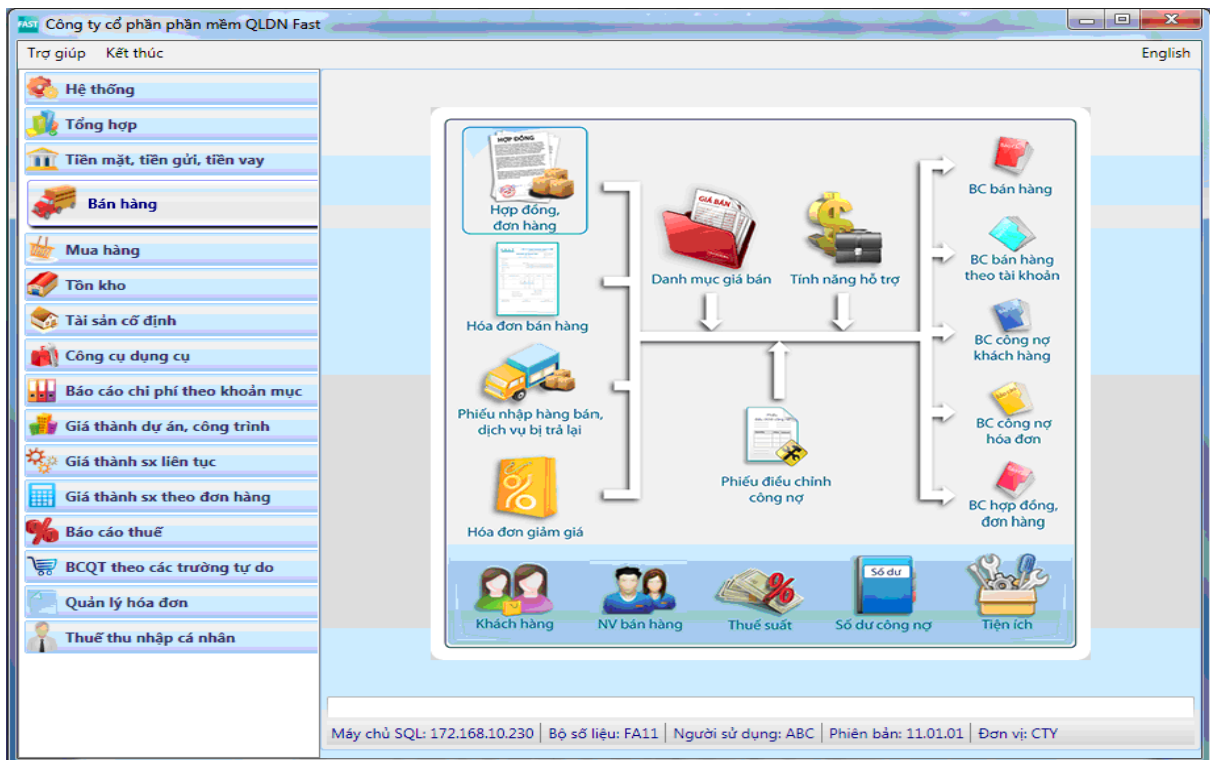
- Tốc độ xử lý rất nhanh.

- Cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Nhược điểm:

- Tính bảo mật chưa cao, trong khi thao tác thường xảy ra lỗi nhỏ (không đáng kể).

- Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.



Báo giá sản phẩm :6.000.000 VNĐ

3.2.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPDV Hùng An.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hóa, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy cao. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

KẾT LUẬN

Trong cơ chế hiện nay, vấn đề kế toán thực sự có vị trí quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng cho các nhà quản lý nghiên cứu vận dụng, hoàn thiện vấn đề này và hoàn toàn cần thiết với công ty.

Sau một thời gian thực tập tại công ty cổ phần thương mại Hùng An, tìm hiểu về công tác kế toán tại công ty, được sự giúp đỡ của các cô, chú trong công ty cùng với sự hướng dẫn của Thạc sĩ Văn Hồng Ngọc – Giảng viên hướng dẫn, em đã vận dụng lý thuyết, tìm hiểu thực tế công tác kế toán tại công ty, học tập thêm được những bài học và kinh nghiệm làm việc quý báu. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường.

Do thời gian thực tập có hạn cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình và chu đáo của ban kế toán công ty cổ phần thương mại Hùng An, Giảng viên – thạc sĩ Văn Hồng Ngọc cùng các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học dân lập Hải Phòng đã giúp em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính – Nhà xuất bản Thống kê năm 2009.
2. Chế độ Kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) – Nhà xuất bản tài chính
3. Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán năm 2013 của công ty CPDV TM HÙNG AN.
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT- TS Nguyễn Văn Công.
5. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.